

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty: Công ty TNHH Chứng khoán Maybank

Mã thành viên: 079

Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 44 555 888 (máy lẻ: 8000); Fax: 028. 38 271 030

Email: info.MSVN@maybank.com Website: www.maybank.com/investment-banking/vn

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN VÕ VÂN HÀ

Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 44 555 888 (máy lẻ: 8000); Fax: 028. 38 271 030

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công Ty vào ngày 14/3/2025 tại đường
dẫn: <https://www.maybank-kimeng.com.vn/kimengportal/financial-statements.do>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *Lal*

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin



NGUYỄN VÕ VÂN HÀ
Giám đốc Tài chính

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK**

Số: 1403/2025/BCTN-MSVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank kính gửi đến Quý Cơ quan Báo cáo Thường niên năm 2024 theo nội dung quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Nội dung của báo cáo được trình bày sau đây:



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

Humanising
Financial Services

 **Maybank**

Investment Bank

Hotline: (028) 44 555 888

Email: customer.MSVN@maybank.com

Website: www.maybank-kimeng.com.vn

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
2.1. Maybank IBG Holdings Limited và Maybank Investment Banking Group.....	2
2.2. Maybank Investment Bank Việt Nam.....	3
2.3. Nỗ lực vì sự phát triển bền vững của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	8
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	9
5. Định hướng phát triển.....	10
5.1. Định hướng phát triển.....	10
5.2. Mục tiêu và chiến lược phát triển.....	10
6. Các rủi ro kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Maybank Investment Bank.....	12
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	15
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	15
2. Tổ chức và nhân sự.....	17
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	21
4. Tình hình tài chính.....	22
4.1. Tình hình tài chính.....	22
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	23
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	23
6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	23
6.2. Chính sách liên quan đến người lao động.....	23
6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	24
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	25
1. Nghiệp vụ môi giới chuyên nghiệp.....	25
2. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	27
3. Nghiệp vụ nghiên cứu và phân tích.....	28
3.1. Với khách hàng cá nhân.....	28
3.2. Với khách hàng tổ chức.....	29
4. Công nghệ thông tin và giao dịch trực tuyến.....	29
5. Tài chính doanh nghiệp vươn tới Ngân hàng đầu tư.....	33
6. Tình hình tài chính.....	35
IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
1. Hội đồng Thành viên (“HĐTV”).....	37
1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.....	37
1.2. Hoạt động của Hội đồng Thành viên.....	37

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc.....	43
2.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	43
2.2. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	44
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	44
1. Ý kiến của Kiểm toán	44
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	44

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank.

Giấy phép thành lập và hoạt động số: Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2015, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 01 năm 2022, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 01 năm 2022, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 03 năm 2022 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 04 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận số 0305367563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 15 tháng 05 năm 2023.

Vốn điều lệ: 2.200.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*).

Vốn chủ sở hữu: 3.251.307.312.780 VNĐ (*Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm năm mươi mốt tỷ ba trăm lẻ bảy triệu ba trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi đồng*).

Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (84-28) 44 555 888

Số fax: (84-28) 3827 1030

Website: www.maybank-kimeng.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Maybank IBG Holdings Limited và Maybank Investment Banking Group

Maybank IBG Holdings Limited (sau đây gọi tắt là "MIBGH"), thuộc sở hữu của Maybank International Holdings Sdn. Bhd., một công ty thành viên của Malayan Banking Berhad ("Maybank"). MIBGH từng được biết đến với tên gọi Maybank Kim Eng Holdings Limited, pháp nhân được thành lập dựa trên việc mua lại Kim Eng Holdings Limited, công ty môi giới chứng khoán niêm yết đầu tiên tại Singapore, vào năm 2011. Maybank Investment

Banking Group (sau đây gọi tắt là “Maybank IBG”) bao gồm chủ yếu Maybank Investment Bank Berhad và MIBGH, hình thành phân khúc Ngân hàng Đầu tư trong Tập đoàn Maybank.

Thông qua các công ty thành viên, Maybank IBG cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính, bao gồm: tư vấn và sắp xếp nợ thông qua Sukuk/trái phiếu, tài trợ dự án, tài chính đòn bẩy và cho vay hợp vốn, tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn cổ phần, tư vấn mua bán và sáp nhập, tư vấn ngành, cổ phiếu phái sinh, môi giới và nghiên cứu chứng khoán tổ chức và bán lẻ.

Maybank IBG hiện diện tại sáu (06) quốc gia Đông Nam Á cùng với Hồng Kông, Ấn Độ, Vương quốc Anh. Là một tập đoàn ngân hàng đầu tư hàng đầu, Maybank IBG, thông qua các công ty thành viên, đã nhận được hơn 1.000 giải thưởng uy tín kể từ khi thành lập, ghi nhận những đóng góp trong các lĩnh vực môi giới khách hàng cá nhân và tổ chức, nghiên cứu phân tích, ngân hàng đầu tư, tài chính bền vững, dịch vụ lưu ký và dịch vụ tài chính Hồi giáo.

Chủ sở hữu của MIBGH, Maybank, là ngân hàng lớn nhất Malaysia tính theo vốn hóa thị trường và tổng tài sản, đồng thời là ngân hàng lớn thứ tư Đông Nam Á tính theo tài sản, với mạng lưới toàn cầu gồm 2.597 chi nhánh tại 18 quốc gia. Maybank là một trong hai thương hiệu Malaysia và là tổ chức tài chính duy nhất của Malaysia được xếp hạng trong 500 thương hiệu giá trị nhất thế giới của Brand Finance. Đây cũng là công ty Malaysia được xếp hạng cao nhất ở vị trí thứ 103 trong Danh sách các công ty tốt nhất thế giới năm 2024 của Tạp chí Time.

Sứ mệnh “Dịch vụ Tài chính Nhân văn” (Humanising Financial Services) của Maybank được thể hiện thông qua mục tiêu trở thành tổ chức tài chính có tác động tích cực nhất, mang đến các giải pháp tài chính hiệu quả, trách nhiệm cho khách hàng và đối tác.

2.2. Maybank Investment Bank Việt Nam

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Maybank Investment Bank”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) và chính thức đi vào hoạt động tháng 04 năm 2008.

Sau khi Tập đoàn Maybank mua lại toàn bộ cổ phần của Kim Eng Holdings Limited, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 08 năm 2012 với 49% cổ phần được kiểm soát bởi Tập đoàn Maybank thông qua Maybank Kim Eng Holdings Limited.

Ngày 03 tháng 01 năm 2014, Công ty đã chính thức được UBCKNN chấp thuận chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn với

tên gọi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK, và trở thành công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022, sau hơn 10 năm sáp nhập hoàn toàn vào Tập đoàn Maybank, Công ty đã chính thức được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank, theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK. Maybank Investment Bank là tên thương hiệu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank. Với tên gọi mới và thương hiệu này, Công ty cam kết tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và không ngừng nỗ lực để hướng đến trở thành một công ty chứng khoán đi đầu trong các chương trình phát triển bền vững tại Việt Nam.

Trong hơn suốt 17 năm hoạt động, công ty đã không ngừng phát triển và khẳng định được vị thế của mình. Công ty đã xây dựng một thương hiệu vững vàng và hiện diện ngày càng mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam với trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, 5 chi nhánh bao gồm chi nhánh tại Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số tỉnh/thành khác, nâng tổng số nhân viên chính thức lên 221 tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Từ mức vốn điều lệ 200.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng*) ban đầu, đến nay Công ty đã tăng vốn lên đến 2.200.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*), tăng gấp 11 lần. Việc tăng vốn là một trong những tiền đề mạnh mẽ giúp Công ty nâng cao vị thế cạnh tranh, triển khai thêm nhiều sản phẩm tài chính hấp dẫn, đặc biệt là đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo và mảng kinh doanh trái phiếu.

Ngoài ra, Công ty trở thành thành viên của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam từ năm 2017 và là thành viên của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam từ năm 2022.

2.3. Nỗ lực vì sự phát triển bền vững của Thị trường Chứng khoán Việt Nam

Những năm qua Maybank Investment Bank đã thực sự trở thành cầu nối mang đến các cơ hội đầu tư hiệu quả cho các khách hàng của Công ty trên toàn cầu. Điển hình như việc thiết lập các cuộc gặp gỡ cho các quỹ, các Nhà đầu tư nước ngoài, đến tìm hiểu thị trường chứng khoán (“TTCK”) và doanh nghiệp Việt Nam, cũng như thực hiện hàng loạt các hội thảo, sự kiện để giới thiệu TTCK trong nước ra các thị trường lớn trên thế giới và khu vực như Mỹ, Anh, Canada, Singapore, Thái Lan, và Hồng Kông.

Năm 2024, với mục tiêu tiếp tục chung sức cùng Chính phủ trong việc quảng bá hình ảnh Việt Nam, nhằm nâng tầm quy mô dòng vốn đầu tư từ nước ngoài, góp phần phát triển nền tài chính của đất nước, Maybank Investment Bank đã vinh dự tổ chức chuyến thăm và làm việc cho hơn 20 định chế tài chính đến từ các thị trường trọng điểm của Maybank IBG,

bao gồm Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu và khu vực Đông Nam Á, với tổng tài sản quản lý hơn 900 tỷ USD vào cuối tháng 02 năm 2024.

Sự kiện đã chứng kiến sự tham gia trực tiếp của các quan chức chính phủ và chuyên gia ngành, bao gồm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Trưởng ban Chiến lược Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX).

Các Nhà đầu tư cũng có cơ hội trao đổi trực tiếp với ban lãnh đạo cấp cao của một số tập đoàn hàng đầu Việt Nam, bao gồm Vingroup, Tập đoàn Masan, Vietcombank, Techcombank, Thế Giới Di Động và FPT Retail.

Ông Nguyễn Quang Vinh, Phó Chủ tịch VCCI, đánh giá cao việc các Nhà đầu tư quốc tế nhận định Việt Nam là một nền kinh tế đầy triển vọng với nhiều cơ hội đầu tư dài hạn. Ông Vinh cũng nhấn mạnh về bức tranh kinh tế vĩ mô nội địa vững chắc của Việt Nam.

Ông Kim Thiên Quang, Tổng Giám đốc Công ty cho biết: “Những sáng kiến này là một phần trong rất nhiều nỗ lực tích cực của chúng tôi trong việc quảng bá hình ảnh, cơ hội đầu tư tại Việt Nam cho các quỹ nước ngoài. Chúng tôi mong muốn được tiếp tục hợp tác chặt chẽ hơn nữa với các cơ quan chức năng và các doanh nghiệp trong nước trong các hoạt động hướng tới sự phát triển của thị trường chứng khoán và làm sôi động hơn nữa thị trường vốn Việt Nam”.

Tiếp nối các hoạt động kết nối đầu tư, vào tháng 06 năm 2024, cùng với sự hỗ trợ của Tập đoàn, Maybank Investment Bank cũng đã thành công trong việc giới thiệu các doanh nghiệp Việt Nam đến với sự kiện Invest ASEAN 2024 - Hội nghị Đầu tư quốc tế thường niên do Tập đoàn Maybank tổ chức. Hội nghị bao gồm một chuỗi các sự kiện được tổ chức tại các quốc gia trong khu vực với sự tham gia của các chuyên gia, các nhà hoạch định chính sách kinh tế hàng đầu khu vực, các nhà tạo lập thị trường để cùng thảo luận về các cơ hội hợp tác phát triển trong khu vực. Mục đích chung của Hội nghị là tìm kiếm và cung cấp các cơ hội đầu tư vào thị trường ASEAN cho các khách hàng của Tập đoàn, chủ yếu là các nhà quản lý quỹ từ khắp nơi trên thế giới, trong đó mỗi quốc gia sẽ có chủ đề và các diễn giả riêng biệt.

Invest ASEAN 2024 với chủ đề “Những người tiên phong mới của khu vực Đông Nam Á” (“ASEAN Frontiers: The New Trailblazers”) được tổ chức tại Penang, Malaysia từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 06. Invest ASEAN 2024 đã quy tụ 60 doanh nghiệp hàng đầu khu vực Đông Nam Á với tổng giá trị vốn hóa thị trường đạt 146 tỷ USD, thu hút sự tham gia của 145 Nhà đầu tư tổ chức từ Malaysia và quốc tế, với tổng tài sản quản lý lên đến 8 nghìn tỷ USD. Trong khuôn khổ sự kiện, Công ty đã tạo điều kiện kết nối cho các doanh nghiệp Việt Nam,

bao gồm Công ty Cổ phần Tasco (HUT), Ngân hàng MB Bank, Ngân hàng Techcombank và Tập đoàn Masan, tiếp cận và giới thiệu cơ hội đầu tư đến các Nhà đầu tư quốc tế.

Sau sự kiện, Công ty nhận được những đánh giá rất cao từ cộng đồng các Nhà đầu tư, các tổ chức tài chính quốc tế và các trang thông tin truyền thông lớn trong và ngoài nước.

Các giải thưởng

Ghi nhận nỗ lực đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam của Maybank Investment Bank, tại buổi lễ kỷ niệm 10 năm thành lập (ngày 14 tháng 12 năm 2007 – ngày 14 tháng 12 năm 2017), Công ty đã vinh dự được đại diện lãnh đạo cấp cao của UBCKNN trao tặng Giấy khen cho những đóng góp tích cực vì sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2007 – 2017.

Tháng 04 năm 2021, Công ty tiếp tục nhận được giấy khen của UBCKNN vì những nỗ lực tích cực trong việc xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung giai đoạn 2018 – 2021.

Với nỗ lực và những thành tựu được ghi nhận trong suốt chặng đường 17 năm theo đuổi mô hình công ty chứng khoán đẳng cấp quốc tế, Công ty tự hào đã thật sự tạo dựng được niềm tin nơi Nhà đầu tư cũng như tất cả các đối tác trong và ngoài nước – yếu tố nền tảng quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Trong những năm qua, Công ty đã liên tục được vinh danh ở nhiều giải thưởng uy tín ở nhiều mảng hoạt động kinh doanh như:

Khối kinh doanh	Giải thưởng
Toàn Công ty	<ul style="list-style-type: none">• Giải thưởng Rồng Vàng cho “Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam” do Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VnEconomy) bình chọn, trong các năm từ 2011 – 2024.• Giải thưởng “Top 10 sản phẩm - dịch vụ Tin & Dùm năm 2023 - nhóm ngành Tài chính Ngân hàng” do Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùm bình chọn, trong các năm từ 2012 – 2023.• Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam Asiamoney Brokers Poll năm 2023.• Top 50 Doanh nghiệp FDI tiêu biểu tại Việt Nam (Giải thưởng Rồng Vàng 2024 bởi Thời báo Kinh tế Việt Nam).

Khối kinh doanh	Giải thưởng
Khối Khách hàng Cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thưởng “Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất trong khu vực châu Á” do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2013 – 2021, 2023. • Giải thưởng “Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất tại Việt Nam” do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2011 – 2016, 2021, 2023. • Giải thưởng “Chuyên viên môi giới tốt nhất Việt Nam” tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam về dịch vụ môi giới tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Giải thưởng “Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu năm 2024” do Báo Đầu tư cùng Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam trao tặng. • Dịch vụ Môi giới Tài chính Xuất sắc tại Hội nghị Tư vấn Tài chính Việt Nam (VWAS) 2024.
Khối Khách hàng Tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> • Xếp hạng đứng đầu Châu Á cho “Công ty Chứng khoán Cung cấp Dịch vụ cho các Thị trường Cận biên” do Tạp chí Institutional Investor bình chọn, năm 2023.
Khối Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> • Xếp hạng 3 Công ty chứng khoán tốt nhất về phân tích và nghiên cứu ESG tại Việt Nam tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Vị trí thứ 2 cho Đội ngũ Nghiên cứu Châu Á (Asia Research Team) 2024 trên Bảng xếp hạng Môi giới Địa phương do Institutional Investor Research bình chọn.
Khối Tư vấn & Ngân hàng Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thưởng “Nhà cho vay hợp vốn hàng đầu tại Việt Nam” do Hiệp hội Thị trường cho vay châu Á – Thái Bình Dương (APLMA) bình chọn, trong các năm từ 2021 – 2024. • Đơn vị Cho Vay Hợp Tác của năm: giải thưởng do Hiệp hội Thị trường Cho vay Châu Á - Thái Bình Dương bình chọn.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Maybank Investment Bank được phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ và dịch vụ: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước.

Hiện tại, bên cạnh Hội sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty có 5 chi nhánh trên toàn quốc:

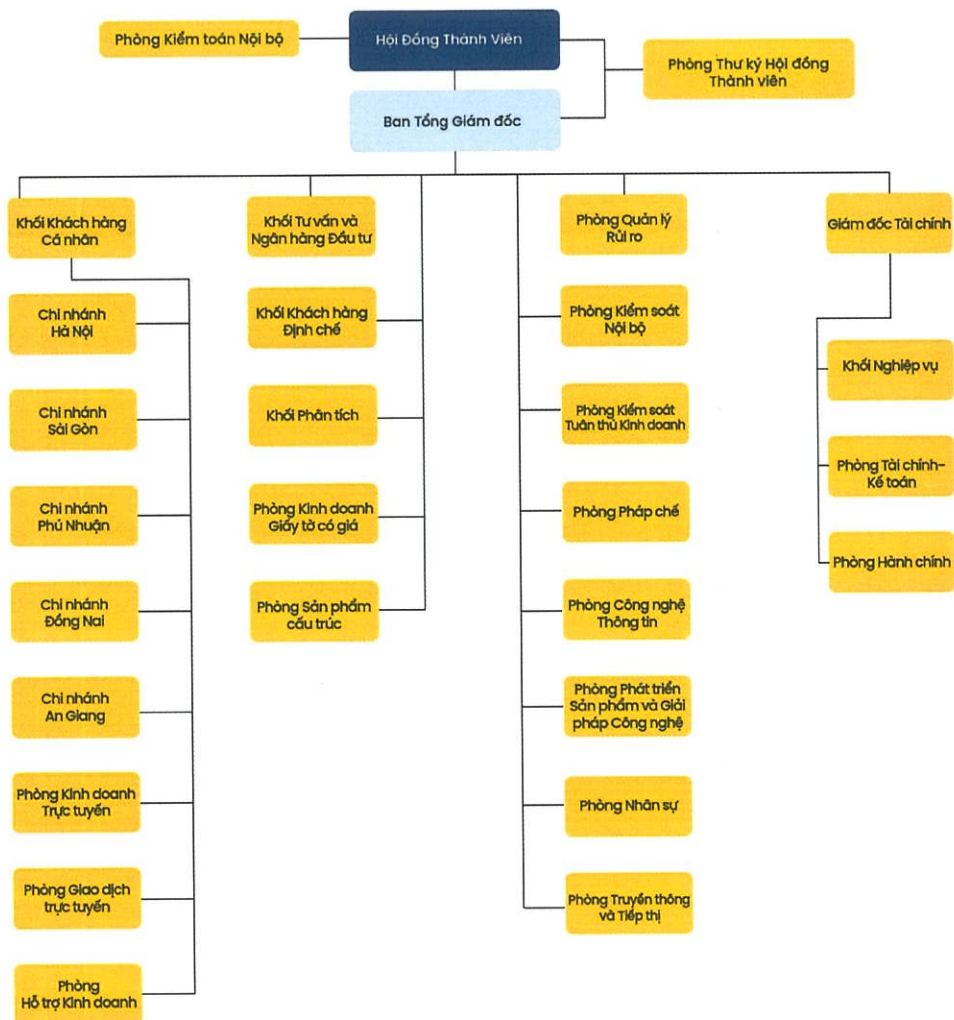
Chi nhánh	Thông tin liên hệ
Sài Gòn	VP-09-01, Tầng 9, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: +84 28 44 555 888 – Số Fax: +84 28 38 59 06 99
Phú Nhuận	Số 456 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: +84 28 62 927 029 – Số Fax: +84 28 62 927 019
Đồng Nai	Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Số điện thoại: +84 251 39 40 490 – Số Fax: +84 251 39 40 499
An Giang	Tầng 3, Toà nhà H&T, số 204 – 204A Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang Số điện thoại: +84 296 3922 229 – Số Fax: +84 296 76 3922 899
Hà Nội	Tầng 5, Toà nhà Coalimex, số 33 phố Tráng Thi, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội Số điện thoại: +84 24 39 44 05 06 – Số Fax: +84 24 39 44 05 08

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Điều lệ Công ty bao gồm Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám Đốc, trong đó:

- Hội đồng Thành viên gồm các thành viên là đại diện do Chủ sở hữu bổ nhiệm, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo quy định pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản lý rủi ro và (các) Giám đốc Khối Kinh doanh; trong đó, Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Thành viên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Sơ đồ tổ chức Công ty như sau:



5. Định hướng phát triển

5.1. Định hướng phát triển

Năm 2025, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty sẽ tập trung phát triển theo các mục tiêu sau:

- Tiếp tục mở rộng phát triển mảng Môi giới Chứng khoán bao gồm khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức cũng như mảng Ngân hàng đầu tư và Tư vấn doanh nghiệp.
- Phát triển thị phần môi giới chứng khoán và giao dịch ký quỹ.
- Triển khai và phát triển sản phẩm mới Chứng quyền có đảm bảo (Covered Warrant)
- Phát triển mảng kinh doanh giấy tờ có giá (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp)
- Phát triển mảng kinh doanh trực tuyến thông qua ứng dụng di động mới giúp khách hàng mở tài khoản và giao dịch một cách nhanh chóng, đồng thời tiếp tục phát triển các công cụ, ứng dụng nghiên cứu phân tích để cung cấp thông tin kịp thời trong việc tối ưu hóa hiệu quả đầu tư của khách hàng.
- Liên tục phát triển và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để đảm bảo Công ty phát triển ổn định trước tình hình biến động và rủi ro tiềm ẩn ngày càng nhiều trên thị trường chứng khoán.
- Đẩy mạnh việc thu hút Nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam thông qua các chương trình, hội nghị đầu tư.

5.2. Mục tiêu và chiến lược phát triển

a) Mục tiêu chung

- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng của Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung.
- Hướng lợi ích hợp lý và hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng.
- Tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh.
- Quản trị đòn bẩy tài chính hợp lý đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả trên toàn cầu.

b) Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo lực lượng nhân sự hiện tại, xây dựng đội ngũ kế thừa cũng như thu hút nhân tài mới nhằm phát triển mạnh nguồn nhân lực của Công ty.
- Chú trọng đạo đức nghề nghiệp dựa trên nguyên tắc luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và tuân thủ đầy đủ các quy định, quy chế yêu cầu trên thị trường chứng khoán.

c) Phát triển sản phẩm và dịch vụ

- Triển khai các sản phẩm theo xu hướng thị trường và theo quy định của Luật Chứng khoán.
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ nhằm hướng đến việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phù hợp nhất cho khách hàng.
- Ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại nhằm hoàn thiện và bổ sung các tính năng cũng như các công cụ giao dịch đảm bảo sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn và bảo mật cao cho Nhà đầu tư.
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính chuyên sâu và chất lượng cao cho Nhà đầu tư.

d) Chiến lược khách hàng

- Xây dựng và phát triển trung tâm phân tích khách hàng nhằm xác định các nhóm khách hàng mục tiêu để thiết kế các sản phẩm và dịch vụ phù hợp nhất.
- Chú trọng hoàn thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm duy trì và phát triển các mối quan hệ hữu hảo với khách hàng.
- Thường xuyên thực hiện các buổi nhận định thị trường, tư vấn đầu tư hay kết nối doanh nghiệp thông qua các hội thảo trực tuyến.

e) Kế hoạch tiếp thị

Công ty sẽ đẩy mạnh các chiến dịch quảng bá, từ việc sử dụng các kênh truyền thông số, tổ chức sự kiện, cho đến việc triển khai các chương trình ưu đãi hấp dẫn, mang sứ mệnh “Dịch vụ Tài chính Nhân văn” đến gần hơn với khách hàng trong nước. Mục tiêu của Công ty là không chỉ tăng trưởng lượng khách hàng giao dịch mà còn xây dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng, giúp họ cảm thấy tin tưởng và hài lòng với các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp.

f) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn

Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển xã hội bền vững và thịnh vượng. Do đó, bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Công ty rất chú trọng đến các hoạt động môi trường, xã hội và cộng đồng.

Là thành viên của một trong những tổ chức tài chính hàng đầu của ASEAN, Maybank Investment Bank luôn mong muốn góp phần xây dựng một tương lai phát triển bền vững của khu vực. Chiến lược kinh doanh của Công ty là mang lại cơ hội phát triển bền vững cho các doanh nghiệp và cộng đồng trong khu vực bằng cách tạo ra các giá trị thông qua Tiêu chuẩn

ESG, đó là Environment – Môi trường, Social – Xã Hội & Governance – Quản trị doanh nghiệp. Công ty cam kết cung cấp các giải pháp sáng tạo giúp cho các quyết định đầu tư được tức thời và hiệu quả hơn, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay.

Maybank Investment Bank tiếp tục cung cấp các sáng kiến xanh và giải pháp tài chính bền vững trong khu vực ASEAN để đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng và sự quan tâm ngày càng cao của các nhà đầu tư tổ chức về vấn đề này. Bộ phận Ngân hàng Đầu tư của Công ty luôn chú trọng vào việc cung cấp Giải pháp Tư vấn ESG, bao gồm tài trợ năng lượng tái tạo, tài trợ vốn đầu tư ESG để tạo điều kiện cho các nỗ lực chuyển đổi của doanh nghiệp đạt được kết quả.

Thêm vào đó, trong định hướng của mình, bộ phận Nghiên cứu Phân tích của Công ty cũng đang hướng đến những tiêu chuẩn về ESG trong việc phân tích và đánh giá. Các báo cáo phân tích của Maybank Investment Bank tập trung vào phân tích các yếu tố ESG của doanh nghiệp niêm yết tại TTCK Việt Nam đã được nhiều khách hàng tổ chức nước ngoài đánh giá cao và mong muốn Công ty phát triển nhiều hơn.

Được củng cố bởi tham vọng trở thành ngân hàng đầu tư bền vững đầu tiên trong khu vực, năm 2024 Công ty tiếp tục mang đến cho Nhà đầu tư sản phẩm “Danh mục đầu tư bốn mùa” với sự kết hợp của các phép đo định lượng và định tính, phân tích ESG cũng như mạng lưới chuyên gia rộng lớn trên khắp thế giới của mình để có thể cung cấp các giá trị lớn hơn cho khách hàng, đồng thời giúp cho các quyết định đầu tư của họ trở nên rõ nét và tối ưu hơn.

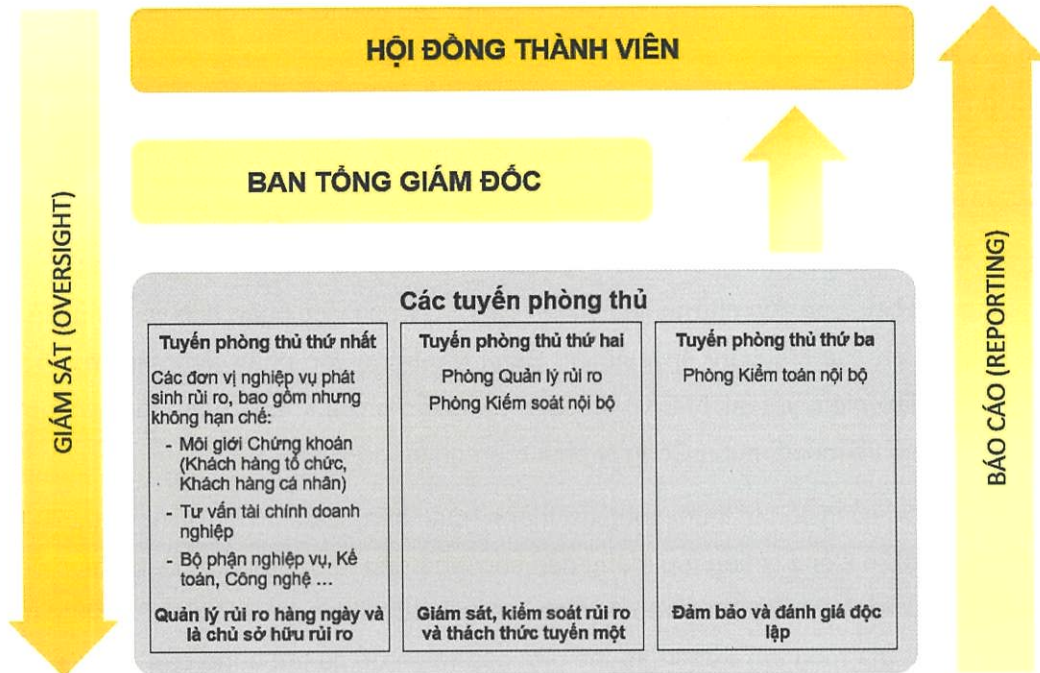
6. Các rủi ro kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Maybank Investment Bank

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ quan trọng cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Maybank Investment Bank. Hệ thống quản lý rủi ro của Công ty được thiết kế, vận hành phù hợp với yêu cầu của pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn về quản lý rủi ro của Tập đoàn Maybank theo tiêu chí sau đây:

- Tuân thủ tuyệt đối với quy định của pháp luật Việt Nam.
- Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Tập đoàn Maybank và pháp luật Việt Nam, Công ty sẽ ưu tiên áp dụng các quy định nghiêm ngặt hơn.

Công ty quản trị rủi ro dựa theo mô hình 3 tuyến phòng thủ, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tuyến trong tất cả các lĩnh vực có phát sinh rủi ro bao gồm việc tiếp nhận rủi ro, kiểm soát rủi ro và kiểm toán nội bộ trong việc quản lý rủi ro.

Mô hình quản lý rủi ro tại Maybank Investment Bank được trình bày theo sơ đồ sau:



Các loại rủi ro tại Maybank Investment Bank được định nghĩa, phân loại theo Bộ tiêu chuẩn về rủi ro (Risk Universe) của Tập đoàn Maybank. Các rủi ro chính đã được nhận diện và quản lý bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro phi tài chính, rủi ro công nghệ thông tin, rủi ro tuân thủ pháp luật.

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro không thu được gốc hoặc lãi do bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng. Rủi ro tín dụng có liên quan mật thiết đến nghiệp vụ giao dịch ký quỹ. Bất kỳ một khoản nợ khó đòi hoặc nợ xấu phát sinh đều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2024, việc quản lý rủi ro tín dụng của công ty được thực hiện hiệu quả. Trong bối cảnh tình hình kinh tế chung còn nhiều khó khăn, thị trường bất động sản chưa hồi phục, thị trường chứng khoán biến động nhưng Công ty vẫn đảm bảo rủi ro tín dụng nằm trong hạn mức được thiết lập.

b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường đến từ biến động của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu. Rủi ro thị trường có liên quan trực tiếp đến một số các hoạt động sau của công ty:

- Rủi ro lãi suất: các khoản thu nhập từ tiền gửi của Công ty bị ảnh hưởng bởi biến động lãi suất tiền gửi trên thị trường, tuy nhiên tại Maybank Investment Bank, các khoản tiền gửi hầu hết là ngắn hạn nên rủi ro lãi suất là không đáng kể.
- Rủi ro tỷ giá: một số hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro tỷ giá do doanh thu và chi phí các nghiệp vụ này được thực hiện bằng ngoại tệ. Rủi ro tỷ giá của Công ty là không đáng kể.
- Biến động giá cổ phiếu: biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng trực tiếp đến danh mục đầu tư của Công ty, tuy nhiên rủi ro này là không đáng kể vì danh mục đầu tư của Công ty rất thấp.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro thanh khoản tại Công ty là rất thấp do tỷ lệ dự trữ thanh khoản của Công ty luôn được duy trì ở mức cao so với nhu cầu thanh toán ngắn hạn của Công ty.

d) Rủi ro phi tài chính

Rủi ro phi tài chính bao gồm rủi ro hoạt động, rủi ro thông tin, rủi ro danh tiếng cùng các rủi ro khác có nguồn gốc phi tài chính. Việc quản lý rủi ro phi tài chính được thực hiện hiệu quả trong năm 2024 với các tổn thất hoạt động là không đáng kể và không phát sinh các sự kiện làm ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty.

e) Rủi ro công nghệ thông tin

Rủi ro công nghệ thông tin gồm các rủi ro phát sinh ảnh hưởng đến công tác bảo mật, bảo vệ toàn vẹn hệ thống công nghệ (hệ thống máy chủ, các thiết bị kết nối, tường lửa), dịch vụ cung cấp trên nền tảng công nghệ (phần mềm giao dịch trực tuyến, tiếp nhận và xử lý yêu cầu của Khách hàng, dịch vụ nộp rút tiền) và các thông tin quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty (thông tin khách hàng, thông tin về hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh, sản phẩm mới). Rủi ro công nghệ thông tin được quản lý hiệu quả trong năm 2024, không phát sinh các sự kiện gây thiệt hại về hệ thống công nghệ. Các dịch vụ cung cấp trên nền tảng công nghệ được hoạt động thông suốt và các thông tin được bảo mật một cách toàn vẹn.

f) Rủi ro tuân thủ pháp luật

Thay đổi trong môi trường pháp lý (trong nước và nước ngoài nơi mà Tập đoàn Maybank Investment Bank có hoạt động) ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế của Công ty trên thị trường cũng như hiệu quả kinh doanh. Chính sách của Công ty là luôn đảm bảo tuân thủ các

quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh. Theo đó, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đều hướng đến tiêu chí này nên rủi ro tuân thủ pháp luật là không đáng kể.

g) Rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

Nhận thấy những tác động từ môi trường, xã hội và hệ thống quản trị đến hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng rõ nét, Tập đoàn Maybank và Công ty hiện đã từng bước hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý các rủi ro đến từ ESG để đảm bảo việc thực hiện các cam kết xanh và phát triển bền vững của Tập đoàn với môi trường, xã hội.

h) Các rủi ro có thể ảnh hưởng trong năm 2025

Ngoài việc nhận diện và quản lý các rủi ro như đã nêu trên, Công ty cũng đã nhận diện được một số các rủi ro khác có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán Việt Nam, ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh và việc thực hiện mục tiêu của Công ty, bao gồm:

- Gia tăng sức ép từ Mỹ: chính phủ Mỹ hiện đang sử dụng công cụ thuế nhập khẩu để gia tăng sức ép với các nước khác có thể ảnh hưởng đến tỷ giá USD. Biến động tỷ giá USD sẽ khiến cho các khoản đầu tư bằng USD (trực tiếp, gián tiếp) vào các thị trường như Việt Nam sẽ trở nên rủi ro hơn (rủi ro tỷ giá gia tăng). Thị trường chứng khoán Việt Nam do vậy cũng sẽ trở nên khó lường hơn so với trước.
- Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm và chưa có dấu hiệu cải thiện trong năm 2025.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận đà tăng trưởng ổn định với VN-Index tăng 12,11% so với cuối năm 2023, đạt 1.266,78 điểm. Thanh khoản thị trường cải thiện đáng kể, với giá trị giao dịch bình quân đạt gần 18.685 tỷ đồng/ngày. Dù chịu áp lực bán rông từ khối ngoại, dòng tiền nội địa đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của thị trường. VN-Index ghi nhận mức tăng mạnh trong quý I, sau đó dao động trong biên độ hẹp. Nhìn chung, thị trường tiếp tục khẳng định vai trò là kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế.

Ban Tổng Giám đốc đã khẩn trương ban hành chính sách, phương án kinh doanh với tinh thần cùng nhau nỗ lực không ngừng vượt qua thử thách và tập trung nguồn lực đầu tư cho công nghệ số nhằm thu hút khách hàng. Với sự nỗ lực của toàn thể nhân viên, doanh thu thuần của Công ty đã tăng trưởng 816 tỷ đồng trong năm 2024. Doanh thu từ hoạt động môi giới, lưu ký và tư vấn đầu tư đạt gần 343 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ và phải thu đạt gần 473 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 272 tỷ đồng.

Doanh thu năm 2024 đạt 101% so với kế hoạch đề ra, trong đó đáng ghi nhận là hoạt động tư vấn đạt 135% so với kế hoạch, tập trung vào các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn về môi trường và phát triển bền vững (ESG) – Đây cũng là đối tượng khách hàng mục tiêu của công ty trong tương lai. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng trưởng 17% so với năm trước nhưng chỉ đạt 97% kế hoạch đề ra; mặc dù có sự tăng trưởng dư nợ nhưng sức ép cạnh tranh trên lợi nhuận biên ảnh hưởng đến kế hoạch tăng trưởng doanh thu lãi của công ty trong năm 2024. Doanh thu môi giới tăng trưởng 1% so với kế hoạch phần nhiều do vấn đề cạnh tranh phí giao dịch và quá trình điều chỉnh kéo dài của thị trường trong nửa cuối năm 2024.

Năm 2024 Công ty có sự đầu tư mạnh mẽ về nhân sự, đặc biệt các nhóm nhân sự chuyên trách về sản phẩm và kênh bán hàng điện tử; công nghệ (thay đổi ứng dụng mở tài khoản và giao dịch, đầu tư hệ thống quản lý rủi ro); chi nhánh (di dời chi nhánh Hà Nội vào trung tâm hành chính). Các kế hoạch đầu tư của công ty được Ban Tổng Giám Đốc cân đối với tăng trưởng doanh thu; tổng chi phí năm 2024 cao hơn 4% so với kế hoạch, phần lớn đến từ chi phí đầu tư dự án được phê chuẩn từ kế hoạch đầu tư chung của Tập đoàn.

Tổng lợi nhuận kế toán năm 2024 đạt 272 tỷ, đạt 96% so với kế hoạch.

Chỉ tiêu	Thực tế Năm 2024 (Tỷ VNĐ)	Kế hoạch Năm 2024 (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
I. DOANH THU			
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	473,0	486,3	-3%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	216,8	214,0	1%
- Doanh thu tư vấn	19,9	8,5	135%
- Thu nhập hoạt động khác	105,9	94,9	12%
Cộng doanh thu	815,6	803,6	1%
II. TỔNG CHI PHÍ	543,4	520,5	4%
III. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	272,2	283,1	- 4%

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

STT	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Tóm tắt lý lịch
1.	Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015	<p>Ông Quang được cấp bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng Quốc Tế của Đại Học Châu Âu (European University).</p> <p>Ông Quang đã gắn bó với Maybank Investment Bank hơn 17 năm, từ những ngày đầu tiên Công ty mới đi vào hoạt động. Ông Quang đã trải qua nhiều vị trí tại Công ty như Trưởng phòng Môi giới, Giám đốc Môi giới, Giám đốc Khối khách hàng Cá nhân, Phó Tổng Giám đốc. Đồng hành cùng Công ty trong thời gian qua, Ông Quang đã và đang đóng góp và mang lại nhiều thành công trong những bước tiến phát triển của Công ty, phù hợp với chiến lược và định hướng của Công ty cũng như của Tập đoàn Maybank.</p>

STT	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Tóm tắt lý lịch
2.	Ông Vũ Gia Vinh	Giám Đốc, Khối Tư vấn & Ngân hàng Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24/06/2017	<p>Ông Vinh được cấp bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh chuyên ngành Chiến lược Kinh Doanh Quốc tế của trường Đại học Hitotsubashi (tại Nhật) và bằng Cử nhân khoa Kinh tế của trường Đại học Arizona (tại Mỹ).</p> <p>Ông Vinh có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là với hơn 09 năm làm việc ở Bộ phận đầu tư tại Ngân hàng Đầu tư Nomura trước khi gia nhập Công ty. Ông Vinh cùng đội ngũ các chuyên gia chiến lược về đầu tư rất tự hào khi đóng vai trò là đơn vị tư vấn tài chính độc quyền cho Phúc Sinh Group trong việc nhận đầu tư từ Quỹ đầu tư &Green, thêm vào đó không thể không kể đến vai trò là nhà thu xếp, đại lý phát hành và cố vấn duy nhất đã hỗ trợ thành công Biwase và Biwase Long An trong giao dịch phát hành trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh bởi quỹ Đầu tư và bảo lãnh tín dụng, một quỹ tín thác</p>

STT	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Tóm tắt lý lịch
				của Ngân hàng Phát triển Châu Á (CGIF)”
3.	Ông Nguyễn Bảo Toàn	Giám Đốc, Khối Khách Hàng Cá Nhân	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021	<p>Ông Toàn tốt nghiệp Đại học Kinh Tế và Đại học Marketing chuyên ngành Quản trị Kinh Doanh.</p> <p>Ông Toàn có hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ông Toàn đã đồng hành cùng Maybank Investment Banking được 15 năm. Trước khi gia nhập Công ty, ông Toàn có thâm niên làm việc và giữ chức trưởng phòng/giám đốc tại nhiều công ty chứng khoán lớn như Mekong Securities, Vincom Securities.</p>
4	Bà Nguyễn Thị Duyên	Giám Đốc, Phòng Quản Lý Rủi ro	Bổ nhiệm ngày 17/03/2023 và Miễn nhiệm ngày 01/06/2024	<p>Bà Duyên tốt nghiệp Đại học Kinh tế năm 1998 với chuyên ngành tài chính doanh nghiệp.</p> <p>Trước khi gia nhập Maybank Investment Bank, bà Duyên có hơn 20 năm kinh nghiệm ở các vị trí liên quan đến lĩnh vực chứng khoán.</p>

STT	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Tóm tắt lý lịch
5	Bà Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc Tài Chính	Bổ nhiệm ngày 02/04/2023	<p>Bà Hà tốt nghiệp Đại học Ngoại thương năm 2005 với chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại. Sau đó, hoàn thành bằng Thạc sỹ Kinh tế Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Paris Dauphine năm 2011.</p> <p>Bà Hà có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc cho các doanh nghiệp dịch vụ tài chính đa quốc gia cũng như doanh nghiệp Việt Nam; trong đó Bà Hà có hơn 10 năm làm việc với vai trò cố vấn chiến lược cho Ban Tổng Giám Đốc/các tổ chức ngân hàng/công ty bảo hiểm quy mô toàn cầu, tham mưu trong việc chuyển đổi thỏa thuận mua bán và sáp nhập, lập kế hoạch chiến lược, phân tích tài chính, quản lý hiệu suất, lập ngân sách, quản lý dự án, báo cáo tài chính và thẩm định đầu tư.</p>

Những thay đổi trong năm 2024 của Ban Tổng Giám Đốc:

STT	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	Những thay đổi
1.	Bà Nguyễn Thị Duyên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2024

Tổng số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2024 là 221 người. Trong năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách về lương thưởng, phúc lợi đầy đủ cho người lao động, đảm bảo tuân thủ pháp luật Lao động.

- Ngoài các chính sách lương, thưởng theo Luật Lao động và quy định của Công ty, Công ty còn thực hiện:
 - + Khám sức khỏe định kỳ 1 năm/1 lần, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn cho nhân viên và người thân.
 - + Tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc cho nhân viên.
 - + Chế độ lương tháng 13 được công khai trong nội quy công ty bên cạnh xét thưởng theo doanh số, người lao động thấy yên tâm bởi mức thu nhập công bằng với nỗ lực của mỗi cá nhân.

Ngoài ra, Công ty và Công Đoàn phối hợp để chăm lo đời sống của nhân viên, giúp nhân viên yên tâm làm việc và gắn bó: thăm hỏi ốm đau đoàn viên, thăm hỏi ốm đau người thân của đoàn viên và thực hiện các chương trình gắn kết đoàn viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty đã tiếp tục xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp song song với việc phát triển sản phẩm, từng bước đổi mới thiết bị, cải tiến phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng công nghệ và môi trường làm việc. Bên cạnh đó, Công ty kết hợp với Tập đoàn từng bước triển khai các dự án mới trên tiêu chí phát triển bền vững, bảo mật thông tin, đảm bảo hoạt động kinh doanh được vận hành liên tục, hiệu quả và an toàn nhất.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024 (Tỷ VNĐ)	Năm 2023 (Tỷ VNĐ)	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	5.702	5.101	12%
Doanh thu thuần	816	692	18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	272	276	-1%
Lợi nhuận khác	-	1	-100%
Lợi nhuận trước thuế	272	276	-1%
Lợi nhuận sau thuế	221	222	0%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	229%	251%
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	229%	251%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	43,0%	39,3%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	75,4%	64,7%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	-	-
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	14,3%	13,6%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	27,1%	32,0%

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,8%	7,3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,9%	4,3%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	33,4%	39,9%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty không có các thay đổi về chủ sở hữu. Chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là Maybank IBG Holdings.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2024, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số lao động của Công ty 221 cán bộ, nhân viên. Công ty có nguồn nhân lực trẻ với:

- Độ tuổi từ 25 đến 35 chiếm 40,27%, độ tuổi từ 35 đến 45 chiếm 47,51%; độ tuổi > 45 chiếm 7,69%, độ tuổi < 25 chiếm 4,53%.
- Trình độ học vấn: trình độ Đại học chiếm 79,64%; trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 15,38%, trình độ khác chiếm 4,98%.
- Mức lương trung bình: gần 32,1 triệu đồng/ người lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trước những thay đổi nhằm thích nghi với bối cảnh thực tế, công ty áp dụng hình thức làm việc tại nhà từ ngày 10 tháng 05 năm 2021 cho đến nay. Đồng thời kiểm soát tỷ lệ làm việc tại văn phòng giới hạn tối đa 80% đảm bảo an toàn sức khỏe cho nhân viên trong tình hình dịch bệnh còn nhiều diễn biến khó lường.

- Công ty áp dụng đầy đủ chính sách đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo Luật Lao động.
- Ngoài ra, công ty còn có chính sách hỗ trợ nhân viên về Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe để duy trì thêm các lợi ích liên quan theo hợp đồng hằng năm với công ty Bảo hiểm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho nhân viên. Số giờ đào tạo bình quân là 6 giờ/người

- Các chương trình đào tạo đã tổ chức trong năm 2024:
 - + Chương trình đào tạo phát triển kỹ năng lãnh đạo bao gồm 02 kỹ năng: Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng quản lý cảm xúc;
 - + Chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức về thị trường, sản phẩm và hệ thống giao dịch trái phiếu;
 - + Tập trung đào tạo cho nhân viên nâng cao nhận thức về bảo mật công nghệ thông tin, tuân thủ các quy định về Phòng, chống Rửa tiền, tuân thủ các quy định nội bộ về Chống Tham nhũng, Hối lộ;
 - + Chương trình đào tạo M25 dành cho quản lý cấp cao và cấp trung nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng củng cố vị thế của Maybank trong ngành tài chính, tập trung vào ba ưu tiên chiến lược chính: số hóa toàn diện, xây dựng các giá trị mới và tích hợp bền vững trong toàn bộ hoạt động của Maybank;
 - + Các buổi chia sẻ về "Nghệ thuật làm chủ cảm xúc trong công việc" và "Khơi gợi nguồn năng lượng" nhằm giúp nhân viên Công ty cải thiện sức khỏe tinh thần, khỏe mạnh về mặt cảm xúc, tâm lý và hành vi;
 - + Và các chương trình đào tạo khác từ Tập đoàn.

6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong nhiều năm qua, Maybank Investment Bank luôn theo đuổi tinh thần Dịch vụ Tài chính Nhân văn với cam kết đặt giá trị con người làm trọng tâm, hướng đến những điều tốt đẹp và đồng hành cùng với sự phát triển bền vững của cộng đồng. Chính vì thế, ngoài việc không ngừng đưa ra các sáng kiến và giải pháp đổi mới để hướng tới một môi trường kinh doanh lành mạnh, Công ty cũng luôn đề cao trách nhiệm với xã hội.

Hoạt động đóng góp cho cộng đồng từ lâu đã trở thành nét đẹp văn hóa, là niềm tự hào của các thành viên Maybank trên toàn cầu, đặc biệt phải kể đến “Global CR Day - Ngày hoạt động vì cộng đồng” được Maybank thực hiện thống nhất trên toàn cầu. Global CR Day là một phần của chương trình thiện nguyện, hướng nhân viên của Tập đoàn tham gia trực tiếp vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng ở tất cả các quốc gia mà Maybank đang hiện diện. Đây được coi là một hoạt động cộng đồng lớn nhất với gần 100 sáng kiến hướng tới

cộng đồng được thực hiện đồng thời trên toàn cầu trong cùng một ngày bởi một công ty của Malaysia. Các hoạt động rất đa dạng bao gồm từ việc giúp đỡ các trẻ em nghèo, mồ côi, người khuyết tật, người già neo đơn, các bà mẹ đơn thân cho tới các hoạt động bảo vệ môi trường như trồng cây, làm sạch bờ biển, ...

Trong năm 2024 vừa qua, Công ty tiếp tục khẳng định cam kết trách nhiệm xã hội thông qua nhiều hoạt động ý nghĩa, tập trung vào giáo dục và hỗ trợ cộng đồng. Một trong những điểm nhấn nổi bật là dự án "Sân chơi mơ ước", với sự chung tay của nhân viên công ty, chính quyền địa phương và Trường Tiểu học Vĩnh Thắng. Sân trường rộng 720m² đã được cải tạo, trở thành không gian vui chơi an toàn và lý tưởng cho các em học sinh. Bên cạnh đó, Maybank Investment Bank còn mang đến một mùa trung thu ấm áp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Vĩnh Thắng, trao tặng 94 phần quà bao gồm ba lô và dụng cụ học tập.

Thông qua quỹ thiện nguyện "Trade and Give", 20 suất học bổng "Chắp cánh tương lai" đã được trao cho các em học sinh vượt khó tại Trường THCS và THPT Vĩnh Thắng. Mỗi suất học bổng bao gồm đồng phục, sách giáo khoa, bảo hiểm y tế và học phí, đồng hành cùng các em trên con đường học tập. Quỹ "Trade and Give" thành lập từ năm 2021, qua hơn 4 năm đã thực hiện nhiều hoạt động thiết thực như hỗ trợ nhu yếu phẩm và cung cấp túi thuốc 0 đồng trong đại dịch Covid-19, xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời cho trường học vùng cao. Đặc biệt, thời điểm tháng 9 năm 2024 khi miền Bắc gánh chịu hậu quả nặng nề sau trận bão Yagi, quỹ "Trade and Give" đã kịp thời ủng hộ 200 triệu đồng để hỗ trợ và chia sẻ phần nào khó khăn cho đồng bào vùng lũ.

Công ty tin rằng giáo dục là chìa khóa mở cánh cửa tương lai và cam kết tiếp tục đồng hành, hỗ trợ cộng đồng, lan tỏa yêu thương, kiến tạo một cộng đồng bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Nghiệp vụ môi giới chuyên nghiệp

Từ những ngày đầu thành lập tại Việt Nam, thành công của Maybank Investment Bank chính là nhờ sự nỗ lực không ngừng của cả tập thể khi theo đuổi mô hình kinh doanh chứng khoán đẳng cấp quốc tế, cam kết cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cao, kiên quyết tách bạch tiền gửi của Nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền của Công ty để đảm bảo rằng lợi ích kinh doanh của khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu và không có bất kỳ lợi ích nào đối lập với lợi ích của khách hàng. Theo đó, mọi nguồn lực của Công ty đều hướng đến phục vụ khách hàng, vì lợi ích của khách hàng thông qua các sản phẩm, dịch vụ minh bạch, trung thực. Hướng đến mục tiêu trên, Khối Khách hàng Cá nhân tại Maybank Investment Bank trong năm

2024 tiếp tục triển khai các dịch vụ tài chính và chương trình chăm sóc khách hàng tiêu biểu như:

- Quý 1: Chương trình "Siêu Ưu Đãi 2024": Dành cho khách hàng mở mới tài khoản hoặc giao dịch trở lại, với mức lãi suất ưu đãi chỉ 8,99%/năm cho dư nợ tối đa 3 tỷ đồng, hoặc 9,49%/năm cho dư nợ tối đa 10 tỷ đồng (Mười tỷ đồng). Chương trình nhằm hỗ trợ tối ưu hóa chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả sử dụng đòn bẩy cho Nhà đầu tư.
- Quý 2: Chương trình "Miễn Phí Giao Dịch Qua Maybank Trade VN": Khách hàng mở mới tài khoản hoặc kích hoạt lại tài khoản tại Maybank Investment Bank sẽ được miễn phí giao dịch trên ứng dụng trực tuyến "Maybank Trade VN" cho các giao dịch cơ sở, áp dụng mức phí chỉ 0,07% cho giao dịch phái sinh. Ngoài ra, khách hàng còn được hưởng lãi suất margin ưu đãi chỉ 8,99%/năm cho dư nợ tối đa 3 tỷ đồng. Chương trình áp dụng cho tất cả khách hàng mở mới hoặc hiện đang ngưng giao dịch.
- Quý 3: Triển khai gói phí giao dịch cố định (FTD) chỉ từ 0,07% cho toàn bộ Khách hàng.
- Quý 4: Tri ân Khách hàng với chương trình Lộc Phát: khách hàng được hưởng lãi suất margin ưu đãi chỉ 6,8%/ năm cho dư nợ tối đa 6,8 tỷ đồng, phí giao dịch chỉ 0,068%, áp dụng cho các nhóm khách hàng mục tiêu. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thay đổi và kết hợp Chương trình "Siêu Ưu Đãi 2024" và "Miễn Phí Giao Dịch Qua Maybank Trade VN" với miễn phí giao dịch đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và lãi suất giảm tối đa chỉ còn 6% được triển khai song song với chương trình trao thưởng cho Khách hàng giới thiệu Khách hàng (Tiger Buddy) mang về lượng khách hàng mở mới ấn tượng.

Bên cạnh việc duy trì những chương trình hiện hữu, Khối Khách hàng Cá nhân của Maybank Investment Bank tiếp tục nghiên cứu thị hiếu khách hàng và tung ra thị trường các chương trình mới, mở rộng dịch vụ phù hợp cho từng nhóm đối tượng khách hàng khác nhau.

- Vào Quý 3 năm 2024, nhằm tri ân khách hàng và nâng cao trải nghiệm giao dịch, Maybank Investment Bank chính thức ra mắt chương trình khách hàng thân **thiết Tiger Club**. Chương trình được thiết kế dành cho khách hàng cá nhân, cho phép tích lũy điểm thưởng (Tiger Point) từ hoạt động giao dịch chứng khoán và các sự kiện đặc biệt. Điểm thưởng có thể được quy đổi thành quà tặng, hoàn tiền hoặc đóng góp vào Quỹ Trade & Give. **Tiger Club** không chỉ mang lại lợi ích tài chính cho khách hàng mà còn khẳng định cam kết của Maybank Investment Bank trong việc xây dựng một hệ sinh thái đầu tư bền vững và khác biệt.

- Vào Quý 4 năm 2024, Maybank Investment Bank đã chính thức thành lập đội ngũ **Kinh doanh trực tuyến (Digital commerce)** thuộc Khối Khách hàng Cá nhân của Công ty nhằm mục tiêu tối ưu hóa các kênh giao dịch trực tuyến, mang đến trải nghiệm tiện lợi và hiệu quả cho khách hàng. Đội ngũ này sẽ tập trung vào việc phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ mới để hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán dễ dàng, nhanh chóng và an toàn. Bằng cách này, Công ty không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn mở rộng khả năng tiếp cận và thu hút thêm nhiều khách hàng tiềm năng trong thời đại công nghệ số.

2. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2024 là một năm khó khăn với nhiều biến động về kinh tế, chính trị, và xã hội, tuy nhiên về phía Maybank Investment Bank, Công ty đã hoàn thành được nhiều thành tích theo kế hoạch đề ra, đặc biệt đối với việc nâng cao, tập trung phát triển nguồn nhân lực:

- Nhân sự ổn định với tỷ lệ nhân viên nghỉ việc năm 2024 là 16,7% thấp hơn so với năm 2023 là 2,1% (năm 2023: 18,8%).
- Mặc dù năm 2024 là một năm tương đối khó khăn với nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng, bằng nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn mang lại lợi nhuận tăng trưởng so với năm 2023. Công ty cam kết chi trả chế độ lương tháng 13 bên cạnh nhận thưởng theo doanh số, từ đó giúp người lao động thấy yên tâm cùng mức thu nhập công bằng với nỗ lực của mỗi cá nhân. Ngoài ra, Công ty còn xét nâng lương cho người lao động để đảm bảo mức thu nhập hàng tháng phù hợp với thị trường cùng ngành Tài chính cũng như với khối lượng công việc, trách nhiệm và số năm kinh nghiệm mà người lao động đóng góp với Công ty.
- Công ty và Công Đoàn phối hợp để chăm lo đời sống của nhân viên, giúp nhân viên yên tâm làm việc và gắn bó: thực hiện đầy đủ chế độ thăm hỏi ốm đau/hiếu hỉ cho nhân viên, thăm hỏi ốm đau người thân của nhân viên; lên kế hoạch và thực hiện các chương trình gắn kết công đoàn viên xuyên suốt năm 2024 (mừng ngày quốc tế phụ nữ, mừng ngày quốc tế thiếu nhi, tổ chức hoạt động cho ngày gia đình Việt Nam, ...)
- Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc lên kế hoạch đào tạo chi tiết xuyên suốt đến hết năm 2025. Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm cần thiết cho nhân viên, nâng cao kỹ năng quản lý cho đội ngũ quản lý cấp trung và cấp cao. Ngoài ra, Công ty còn tìm hiểu và đáp ứng nhu cầu đào tạo về chuyên môn cho nhân viên để nâng cao chất lượng công việc.

- Bên cạnh đó, Công ty đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Đại học Ngân hàng và đồng thời tổ chức một số hoạt động gắn kết với sinh viên như thiết kế buổi tham quan & giới thiệu Công ty với các bạn sinh viên khoa Tài chính trường Đại học Thủy Lợi để qua đó tạo cơ hội cho các bạn hình dung được bức tranh tổng thể về một số hoạt động kinh doanh của công ty và có cơ hội được trực tiếp tương tác với các anh chị trong giới tài chính.
- Bước sang năm 2024, Công ty tập trung vào đẩy mạnh kế hoạch cải tiến, phát triển về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý, đồng thời tăng cường tuyển dụng đội ngũ Tư vấn tài chính, Môi giới Chứng khoán để đáp ứng cho sự sẵn sàng trong chiến lược mở rộng thị phần của Công ty theo Chiến lược M25+.
- Tiếp tục duy trì và phát triển đào tạo lực lượng nhân sự hiện tại với kế hoạch đào tạo kỹ năng mềm, đào tạo kỹ năng chuyên môn, và các lớp đào tạo bắt buộc chú trọng vào nâng cao nhận thức của nhân viên về đạo đức nghề nghiệp dựa trên nguyên tắc luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và tuân thủ đầy đủ các quy định, quy chế yêu cầu trên thị trường chứng khoán.
- Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các đối tác trường Đại học tập trung ngành Tài chính cũng như lên kế hoạch đẩy mạnh các hoạt động/chương trình thúc đẩy tìm kiếm các ứng viên tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật số để cùng hướng tới định hướng chiến lược lâu dài từ Tập đoàn trong công cuộc đẩy mạnh và phát triển về công nghệ số.

3. Nghiệp vụ nghiên cứu và phân tích

3.1. Với khách hàng cá nhân

Phòng Nghiên cứu phân tích Maybank Investment Bank vẫn tiếp tục duy trì bản tin cập nhật hàng ngày và các mẫu hình danh mục đầu tư Linh hoạt, Giá trị, Cổ tức nhằm giúp Nhà đầu tư cá nhân có thêm nhiều ý tưởng về phân bổ tài sản theo mục tiêu đầu tư riêng của mình. Hiệu quả cũng như sự thay đổi tỷ trọng tài sản của các mô hình danh mục này được cập nhật hàng ngày tại mục “Market Insight” trên ứng dụng Maybank Trade VN của Maybank Investment Bank. Danh mục Linh hoạt vẫn luôn theo sát biến động của thị trường để có được hiệu quả vượt trội so với VN Index.

3.2. Với khách hàng tổ chức

Với vai trò là cầu nối giữa các quỹ đầu tư nước ngoài với thị trường Việt Nam, bộ phận nghiên cứu khách hàng tổ chức đã tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, cập nhật chuyên

sâu về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng, môi trường kinh doanh, hoạt động của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Phòng Nghiên cứu Phân tích Công ty còn đi tiên phong trong việc xây dựng hệ thống phân tích và đánh giá các chính sách, quy trình và thực hành việc tích hợp các yếu tố phát triển bền vững (ESG) trong hoạt động hàng ngày và chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết.

Các buổi Hội Thảo Chiến Lược hàng tháng của phòng nghiên cứu phân tích đã liên tục cập nhật tin tức, đánh giá kịp thời các chuyển động vĩ mô & thị trường, để đưa ra những chiến lược đầu tư phù hợp nhất cho các Nhà đầu tư nước ngoài. Hội nghị Nhà đầu tư Invest ASEAN do Tập đoàn Maybank tổ chức thường niên vào tháng 6 là sự kiện lớn nhất khu vực, quy tụ doanh nghiệp hàng đầu của 6 nước ASEAN và các quỹ đầu tư toàn cầu.

Ngoài ra, các chuyên viên phân tích giàu kinh nghiệm của Maybank Investment Bank còn thường xuyên hợp tác với các cơ quan báo đài trong và ngoài nước như Đài truyền hình Việt Nam VTV, Nhịp Cầu Đầu Tư, Báo Đầu Tư, Diễn đàn Doanh nghiệp, The Financial Times, The Business Times, Bloomberg, CNBC, và nhiều đầu báo khác, để đưa ra các nhận định chuyên môn của mình đến đông đảo cộng đồng Nhà đầu tư.

Các nỗ lực không ngừng nghỉ và hiệu quả tư vấn của đội ngũ nghiên cứu phân tích Maybank Investment Bank Việt Nam đã được các khách hàng đánh giá cao và ghi nhận thông qua các giải thưởng uy tín toàn cầu, cụ thể là: Xếp hạng 3 Công ty chứng khoán tốt nhất về phân tích và nghiên cứu ESG tại Việt Nam do Asia money Brokers Poll bình chọn (2023); Xếp hạng 2 cho Đội ngũ Nghiên cứu Châu Á - Đội ngũ phân tích xuất sắc nhất cho thị trường cận biên (Best Research for Frontier Market) do Institutional Investor Research bình chọn (2023); Công ty Chứng khoán nước ngoài có mảng nghiên cứu phân tích tốt nhất (Best International Brokerage for Research) do Asia Money Poll bình chọn (2022, 2023).

4. Công nghệ thông tin và giao dịch trực tuyến

Trong một thị trường ngày càng cạnh tranh và phát triển đa dạng, đầu tư công nghệ là một trong những mục tiêu trọng tâm của Công ty nhằm cung cấp các sản phẩm khác biệt, tạo lợi thế thu hút khách hàng. Công nghệ không chỉ là yếu tố hỗ trợ Nhà đầu tư, mà còn giúp thay đổi hoàn toàn trải nghiệm khách hàng. Công nghệ đã mở ra cánh cửa cho giao dịch chứng khoán trực tuyến, cho phép Nhà đầu tư tự do truy cập thị trường mọi lúc, mọi nơi thông qua nền tảng trực tuyến và ứng dụng di động.

➤ Không ngừng cập nhật, cải tiến công nghệ và tính năng mới

Tiêu biểu trong số những cải tiến trong năm qua có thể kể đến dự án Công ty đã hoàn thành triển khai xây dựng ứng dụng giao dịch di động mới Maybank Trade VN. Ứng dụng này

là kết quả của việc nghiên cứu chuyên sâu hành vi khách hàng không chỉ trong nước mà còn ở nhiều quốc gia khác. Ứng dụng với giao diện thân thiện người dùng cũng không kém phần hiện đại, khác biệt; tích hợp nhiều tính năng giao dịch thuận lợi.

Các tính năng nổi trội của Ứng dụng Maybank Trade VN bao gồm:

- **Thông tin thị trường:** Cung cấp một góc nhìn đa chiều, từ thông tin cơ bản của các công ty niêm yết, đến những phân tích sâu sắc về chuyển động của thị trường thông qua số liệu và đồ thị, là bộ lọc giúp Nhà đầu tư lọc ra danh sách các cổ phiếu cần quan tâm tìm kiếm theo tiêu chí riêng một cách cá nhân hóa theo nhu cầu đầu tư.
- **Chi tiết cổ phiếu:** Cung cấp thông tin chi tiết nhất về mã cổ phiếu như cập nhật biến động theo thời gian thực, thông tin chỉ số tài chính, tin tức liên quan được cập nhật mới nhất, gợi ý cổ phiếu cùng ngành, giúp Nhà đầu tư nắm bắt thông tin một cách đầy đủ và nhanh chóng mà không phải tìm hiểu thêm thông tin ở bất kỳ trang thông tin nào khác.
- **Đo lường hiệu quả danh mục đầu tư:** Cung cấp cái nhìn toàn diện về danh mục của Nhà đầu tư.
- **Góc nhìn Maybank – Maybank Insights:** Tại đây, Phòng Nghiên Cứu Phân Tích của Maybank Investment Bank cung cấp cái nhìn sâu sắc và toàn diện về thị trường tài chính, từ những phân tích kỹ lưỡng đến những dữ liệu cập nhật đầy đủ và nhanh chóng giúp Nhà đầu tư nắm bắt nhịp độ của thị trường mà không cần mất nhiều thời gian tìm kiếm.
- **Giao dịch linh hoạt và tiện lợi** như Giao dịch đa sản phẩm, Đặt lệnh điều kiện, Thiết lập cảnh báo giá và chỉ số, Tính năng gửi yêu cầu giao dịch Thỏa Thuận Tích lũy điểm thưởng và đổi quà, Bình chọn và đánh giá môi giới.
- **Hỗ trợ đa kênh:** Ứng dụng Maybank Trade VN mang đến tính năng hỗ trợ đa kênh, cho phép khách hàng liên lạc và nhận sự hỗ trợ mọi lúc, mọi nơi, qua các kênh phổ biến như Zalo, Facebook, Hotline và đặc biệt hơn nữa là gửi ticket thông tin hỗ trợ trực tiếp.

Bên cạnh đó, vào tháng 09 năm 2024 Maybank Investment Bank cung cấp dịch vụ **mở tài khoản chứng khoán trực tuyến** thông qua giải pháp **eKYC và e-Contract**, cho phép khách hàng hoàn tất quy trình đăng ký mở tài khoản chỉ trong khoảng 3 phút mà không cần đến quầy giao dịch. Quá trình đăng ký được thực hiện hoàn toàn trực tuyến, giúp khách hàng tiết kiệm thời gian di chuyển và chờ đợi. Khách hàng có thể mở tài khoản bất kỳ lúc nào và ở

bất kỳ đâu, chỉ cần có kết nối internet. Quy trình xác thực thông qua eKYC (nhận biết khách hàng trực tuyến) và chữ ký số để ký hợp đồng điện tử, đảm bảo tính bảo mật cao, giúp giảm thiểu rủi ro về gian lận và bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng. Khách hàng chỉ cần chuẩn bị một số giấy tờ cơ bản như căn cước công dân hoặc thẻ căn cước, điện thoại và thiết bị có camera được kết nối internet thì có thể dễ dàng mở tài khoản mà không mất thời gian trực tiếp đến quầy giao dịch như trước đây. Dịch vụ mở tài khoản trực tuyến sẽ giúp Maybank Investment Bank mở rộng khả năng tiếp cận đến nhiều đối tượng khách hàng mới, xóa bỏ rào cản vị trí địa lý, đồng thời nâng cao trải nghiệm khách hàng hơn.

Đây chỉ là một phần trong kế hoạch nâng cấp trong lộ trình năm (05) năm nhằm hiện đại hóa toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống giao dịch của Công ty.

➤ ***Chuẩn bị đầy đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai hệ thống KRX***

Sau nhiều năm chuẩn bị, hệ thống công nghệ thông tin quản lý và điều hành giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam KRX (“hệ thống KRX”) dự kiến sẽ sớm được đưa vào vận hành. Để đáp ứng yêu cầu triển khai hệ thống KRX, Công ty đã tiến hành nâng cấp hệ thống công nghệ, tiếp tục chủ động rà soát cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo nhân sự, đảm bảo kết nối, tương thích với hệ thống KRX khi hệ thống này được đưa vào vận hành.

➤ ***Nâng cấp hệ thống giao dịch Trái phiếu***

Thực hiện kế hoạch mở rộng của Phòng Kinh doanh giấy tờ có giá, Maybank Investment Bank đang thực hiện nâng cấp toàn diện hệ thống giao dịch Trái phiếu. Hệ thống sẽ hỗ trợ chức năng quản lý sản phẩm và chính sách một cách hiệu quả, được tích hợp với Ứng dụng Maybank Trade VN. Việc giám sát vận hành, quản lý rủi ro và báo cáo được tự động hóa, giảm thiểu sai sót do con người thực hiện.

➤ ***Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro về phòng chống rửa tiền và tín dụng***

Năm 2024, Maybank Investment Bank đã đưa vào vận hành chính thức hệ thống FRA – là “hệ thống vệ tinh trung gian” có các chức năng hỗ trợ các đơn vị liên quan trong việc (i) nhận diện, đánh giá, quản lý rủi ro theo yêu cầu về phòng, chống rửa tiền và (ii) quản lý rủi ro tín dụng. Đặc biệt, hệ thống FRA cho phép người dùng sàng lọc khách hàng có danh sách theo dõi (Watchlist) trong phạm vi quốc tế và nội bộ để đảm bảo doanh nghiệp có sự cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn và/hoặc báo cáo kịp thời đối với khách hàng có tên trong các danh sách này. Hệ thống này cũng hỗ trợ các đơn vị kinh doanh trong việc chấm điểm và xếp hạng rủi ro khách hàng dựa vào các tiêu chí và ma trận rủi ro. Ngoài ra, hệ thống FRA còn cho phép thực hiện thẩm định, đánh giá liên tục, và sẽ đánh dấu bất kỳ thay đổi nào đối với người dùng nếu xếp hạng rủi ro của khách hàng thay đổi; hoặc từ các bản cập nhật thuộc

dan sách theo dõi. Maybank Investment Bank tự hào là một trong số rất ít công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam vận hành hệ thống hỗ trợ đối với công tác phòng chống rửa tiền nhằm quản lý rủi ro và đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế về phòng chống rửa tiền.

➤ ***Hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động***

Trong năm 2024, Maybank Investment Bank đã có cải thiện đáng kể trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Một trong những bước tiến quan trọng là nâng cấp hệ thống quản lý thông tin khách hàng, giúp tiết kiệm nguồn lực nhân sự và nâng cao độ chính xác trong việc xử lý dữ liệu.

➤ ***Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin***

Nắm bắt được tốc độ phát triển của thị trường cũng như các công nghệ mới giúp Công ty khai thác triệt để được các cơ hội, đồng thời phòng ngừa, khắc phục được những rủi ro, nguy cơ tiềm tàng, nhất là về vấn đề an ninh, an toàn bảo mật thông tin. Tính bảo mật và độ an toàn của các sản phẩm giao dịch trực tuyến của Maybank Investment Bank đều được các Nhà đầu tư Việt Nam đặc biệt tin tưởng và đánh giá cao, đi kèm với tính năng đăng nhập ứng dụng di động Maybank Trade VN thông qua sinh trắc học vân tay và khuôn mặt (Touch and face ID) đã được nâng cấp trước đó. Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ chuyên viên Maybank Investment Bank, cũng như sự hợp tác cùng với các đối tác phát triển thuê ngoài, Công ty đã xây dựng được một tổ hợp các kênh giao dịch trực tuyến bảo mật, tốc độ tối ưu và thân thiện với người dùng.

Doanh thu qua kênh giao dịch trực tuyến không ngừng tăng trưởng, chiếm hơn 90% tổng số lượng lệnh giao dịch toàn Công ty, đó là những minh chứng sống động cho sự thành công của tổ hợp giải pháp giao dịch trực tuyến. Trong thời gian tới, định hướng chiến lược của Maybank Investment Bank là lấy công nghệ làm nền tảng để phát triển đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, đóng vai trò cốt lõi trong chiến lược phát triển sản phẩm và nâng cao trải nghiệm khách hàng của mọi công ty chứng khoán.

Mỗi năm, chúng tôi thực hiện kiểm toán chuyên sâu để đánh giá và nâng cao hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin. Đồng thời, tất cả nhân viên của Công ty đều được yêu cầu tham gia đào tạo bắt buộc về Nhận biết rủi ro an ninh mạng và bảo mật công nghệ thông tin nhằm đảm bảo mọi thành viên đều hiểu và tuân thủ các yêu cầu bảo mật nghiêm ngặt. Những hoạt động này giúp Công ty duy trì một môi trường làm việc an toàn và bảo vệ tối đa thông tin của khách hàng và đối tác.

5. Tài chính doanh nghiệp vươn tới Ngân hàng đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) là một trong những dịch vụ có thế mạnh của Tập đoàn Maybank hiện nay. Với sức mạnh về tài chính và sự chuyên nghiệp, Tập đoàn Maybank là một trong những tổ chức đứng đầu về dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong khu vực ASEAN.

Với mạng lưới quan hệ kinh doanh và thương hiệu khu vực, Maybank Investment Bank hiện đang tập trung vào các dịch vụ tư vấn tài chính và thu xếp vốn, đặc biệt là các sản phẩm vốn vay, cung cấp các giải pháp ngân hàng đầu tư toàn diện trên cả thị trường vốn tư nhân và đại chúng bao gồm phát hành cổ phiếu, trái phiếu, thu xếp khoản vay hợp vốn quốc tế, M&A, tư vấn niêm yết, phát hành IPO, sáp nhập và huy động vốn từ các quỹ đầu tư, đối tác chiến lược nước ngoài cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

- Trong thời gian qua, Maybank Investment Bank đã tham gia vào nhiều thương vụ quan trọng liên quan tới mảng **tư vấn huy động vốn bền vững**, tuân thủ các tiêu chuẩn ESG quốc tế, điển hình như sau:
 - Là nhà tư vấn và thu xếp phát hành trái phiếu lần đầu của **Tecomen** (trị giá 200 tỷ đồng) được đảm bảo bởi Quỹ Bảo lãnh Tín dụng và Đầu tư (CGIF) – một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Là một công ty trong nước, Tecomen dẫn đầu thị trường về máy lọc nước tại Việt Nam, mang đến nguồn nước uống an toàn, giá cả phải chăng cho người tiêu dùng trong nước và điều hành cơ sở sản xuất nước lớn nhất trong khu vực. Việc chào bán đã vượt quá nhu cầu dự kiến, thu hút sự quan tâm đáng kể từ các Nhà đầu tư tổ chức.
 - Là đơn vị tư vấn tài chính độc quyền cho **Phúc Sinh Group** trong việc nhận đầu tư từ Quỹ &Green – quỹ được quản lý bởi SAIL Investments – một nhà quản lý đầu tư bền vững toàn cầu có trụ sở tại Hà Lan. Maybank Investment Bank tự hào khi được tham gia vào giao dịch này và cùng Quỹ &Green giúp đỡ các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi sang các chuỗi cung ứng thực phẩm và nông nghiệp bền vững, không tàn phá rừng và bảo vệ sinh học, đáp ứng nhu cầu càng tăng về “tính bền vững” trên toàn cầu. Đầu tư bền vững không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.
 - Là đơn vị tư vấn duy nhất cho đợt phát hành trái phiếu của **BIWASE Long An** – trái phiếu doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam đạt xếp hạng AAA. Thương vụ

này không chỉ khẳng định năng lực của MayBank Investment Bank trong việc tư vấn và thu xếp các giao dịch tài chính lớn mà còn góp phần vào việc phát triển thị trường tài chính Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực huy động vốn bền vững theo các tiêu chuẩn ESG quốc tế. Giao dịch phát hành trái phiếu doanh nghiệp này có sự bảo lãnh thanh toán từ Quỹ tín thác CGIF thuộc Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và sự tham gia của FiiRatings với vai trò xếp hạng tín nhiệm độc lập. BIWASE Long An, công ty con của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (BIWASE), hiện là nhà cung cấp nước sạch lớn thứ 3 tại Việt Nam với công suất lên đến 822.000 m³/ngày. Đợt phát hành trái phiếu trị giá 700 tỷ đồng sẽ hỗ trợ kế hoạch mở rộng của công ty, nâng công suất xử lý nước thêm 60.000 m³/ngày tại Long An. Đây là trái phiếu doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam đạt xếp hạng AAA, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, khẳng định niềm tin vào thị trường trái phiếu trong nước và vai trò chiến lược của CGIF trong thị trường trái phiếu. Giao dịch này khẳng định sự bền vững của thị trường trái phiếu Việt Nam và tiềm năng ngày càng lớn của các doanh nghiệp trong nước trong việc tiếp cận các giải pháp tài chính tiên tiến. MayBank Investment Bank tự hào đã đồng hành cùng BIWASE Long An, khẳng định năng lực chuyên môn và cam kết phát triển thị trường vốn Việt Nam.

- Maybank Investment Bank phối hợp với Tập đoàn cũng tiếp tục phát triển các **dịch vụ huy động vốn cổ phần và tư vấn M&A**. Trong 10 năm gần đây, Maybank đã tư vấn thành công cho nhiều thương vụ lớn, trong đó có **14** thương vụ tiêu biểu với tổng giá trị giao dịch **6,2 tỷ USD**. Các giao dịch mà Maybank tham gia tư vấn rất đa dạng bao gồm mua bán sáp nhập doanh nghiệp, IPO, giao dịch theo lô (block trade), niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), ...
- Trong mảng **thu xếp khoản vay hợp vốn quốc tế**, tập đoàn Maybank IB đạt danh hiệu #1 tại thị trường Việt Nam trong 4 năm liên tiếp 2021- 2024 theo bình chọn của Hiệp hội Thị trường vay châu Á – Thái Bình Dương (Asia Pacific Loan Market Association-APLMA) với các thương vụ tiêu biểu, với vai trò tư vấn, sắp xếp khoản vay hợp vốn như sau:
 - VP Bank với quy mô 600 triệu USD trong năm 2022, và quy mô 400 triệu USD trong năm 2024.
 - Vingroup và Vinfast với quy mô 500 triệu USD trong năm 2022 và được Asset Triple A trao giải “Khoản vay xanh tốt nhất”.
 - Vingroup với quy mô 365 triệu USD trong năm 2021.

- Techcombank với quy mô 800 triệu USD trong năm 2021.
- Vietinbank với quy mô 790 triệu USD trong năm 2021 và được The Asset Triple A trao giải “Khoản vay hợp vốn tốt nhất tại Việt Nam năm 2021”.
- Home Credit với quy mô 105,5 triệu USD trong năm 2021.
- Các CTCK bao gồm: Vietcap, Techcom Securities, VNDirect.
- Viettel Global với quy mô 135 triệu USD trong năm 2019.

Maybank Investment Bank sẽ tiếp tục là cầu nối quan trọng cho các cá nhân và tổ chức nước ngoài tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Việt Nam, đồng thời giúp các định chế tài chính trong nước tiếp cận các đối tác và nguồn vốn quốc tế.

6. Tình hình tài chính

➤ Tài sản

Tổng giá trị tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.702.270 triệu đồng tăng 12% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là việc tăng dư nợ cho vay ký quỹ và tài sản tài chính.

➤ Nợ phải trả

Ngoài vốn chủ sở hữu, công ty đã linh hoạt sử dụng nguồn vốn vay của Tập đoàn và các tổ chức tài chính trong nước để hỗ trợ tăng trưởng dư nợ và các hoạt động kinh doanh khác. Các khoản vay nước ngoài được phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các Ngân hàng.

➤ Các cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty chịu sự quản lý của Tập đoàn Maybank, cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý của công ty luôn tuân thủ mô hình tổ chức và chính sách của Tập đoàn với nhiều nội dung chặt chẽ, minh bạch về các biện pháp phòng ngừa rủi ro cho Nhà đầu tư lẫn Tập đoàn.

Mặc dù vậy, Ban Tổng Giám Đốc rất linh hoạt trong việc cải tiến cơ cấu tổ chức theo hướng tập trung đội ngũ kinh doanh, phát triển nền tảng số và tăng cường tương tác nội dung lành mạnh và tích cực về đầu tư trên các kênh xã hội để thu hút lượng khách hàng mới.

Về chính sách quản lý, chúng tôi linh hoạt áp dụng các tiêu chuẩn của Tập đoàn vào môi trường kinh doanh trong nước, ví dụ như áp dụng chuẩn tiêu chuẩn ESG trong sàng lọc và ưu tiên các đối tác chiến lược. Năm 2024 chúng tôi đã thành công tư vấn 3 thương vụ ESG và đây cũng là đối tượng khách hàng chiến lược của công ty trong 2025.

Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (Tỷ VNĐ)	Thực tế năm 2024 (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
I. DOANH THU			
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	699,0	473,0	48%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	317,3	216,9	46%
- Doanh thu tư vấn	52,0	19,9	161%
- Thu nhập hoạt động khác	67,8	105,9	-36%
Cộng doanh thu	1.136,1	815,6	39%
II. TỔNG CHI PHÍ	713,8	543,4	31%
III. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	422,7	272,2	55%

Bên cạnh rất nhiều kỳ vọng sáng cho thị trường chứng khoán trong năm 2025 nhờ nền kinh tế vĩ mô ổn định, vẫn tồn tại rất nhiều thách thức khó khăn đang hiện hữu với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty. Năm 2025, Ban Tổng Giám Đốc Công ty thông qua ngân sách và kế hoạch phát triển 39% tăng trưởng doanh thu và 55% tăng trưởng lợi nhuận trước thuế so với năm 2024, tăng trưởng doanh thu các khoản cho vay và phải thu 48%, doanh thu hoạt động tư vấn được đẩy mạnh tăng trưởng 161%, đồng thời phát triển sản phẩm mới dựa trên nền tảng phát triển bền vững và quản trị rủi ro.

Chi phí hoạt động kinh doanh tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ nhưng vẫn đảm bảo các hoạt động có được nguồn kinh phí kịp thời, hợp lý. Đặc biệt, trong năm 2025, Ban Tổng Giám Đốc và Tập đoàn ưu tiên đầu tư khoản ngân sách lớn nhằm nâng cấp hệ thống, phát triển sản phẩm để giảm thiểu rủi ro, gia tăng bảo mật và độ chính xác cao, đồng thời, giúp đẩy mạnh độ nhận diện thương hiệu và kịp thời bắt kịp xu hướng chung của thị trường nhằm tối ưu hóa hiệu quả làm việc và nâng cao trải nghiệm người dùng cho khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo chuyên sâu nâng cao kỹ năng mềm song song với kiến thức chuyên môn. Và các chính sách phúc lợi cho nhân viên cũng sẽ được chú trọng nhằm gia tăng sự gắn kết của nhân viên, tạo môi trường làm việc ngày càng chuyên nghiệp theo đúng chuẩn mực và văn hóa của Tập đoàn.

 HUY
 BUI
 DÁ
 VK
 1/2/2025

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Thành viên (“HĐTV”)

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT.	Thành viên HĐTV	Chức vụ
1.	Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch HĐTV
2.	Ông Foong Seong Yew	Thành viên HĐTV
3.	Ông Lok Eng Hong	Thành viên HĐTV
4.	Ông Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập HĐTV

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Các thành viên của HĐTV đều do Chủ sở hữu bổ nhiệm.

1.2. Hoạt động của Hội đồng Thành viên

Trong năm, HĐTV đã thực hiện nhiệm vụ định hướng, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc theo như quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan, cũng như phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền theo luật định thông qua các quyết định HĐTV. HĐTV đã tổ chức 9 cuộc họp và tất cả các thành viên từ khi được bổ nhiệm đều tham dự đầy đủ các cuộc họp. Các quyết định đã được HĐTV thông qua trong năm 2024, chi tiết như sau:

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	2302-1/24/QĐ-HĐTV	23/02/2024	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty tiến hành ký báo cáo và chỉ đạo các phòng ban có liên quan thực hiện các thủ tục cần thiết theo yêu cầu của các quy định pháp luật hiện hành. Thông qua Kế hoạch hoạt động liên tục cho năm 2024 với các nội dung chính như sau: Quy định cơ cấu tổ chức, khôi phục hoạt động liên tục; Đề ra chiến lược và kế hoạch thực hiện tương ứng cho từng giai đoạn, cụ thể là giai đoạn di chuyển, giai đoạn hoạt động thay thế và giai đoạn khôi	100%

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			phục hoàn toàn; Quy định chức năng, nhiệm vụ của mỗi phòng ban trong việc đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty.	
2.	2302-2/24/QĐ-HĐTV	23/02/2024	Thông qua Điều lệ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank sau khi được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ được thông qua đính kèm theo Quyết định này. Thông qua Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank sau khi được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với Điều lệ Công ty cũng như tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Quy chế được thông qua đính kèm theo Quyết định này. Thông qua Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank sau khi được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với Điều lệ, tình hình hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Quy chế được thông qua đính kèm theo Quyết định này. Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành các quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.	100%
3.	1303/24/QĐ-HĐTV	13/03/2024	Thông qua Ngân sách và Kế hoạch Kinh doanh năm 2024 của Công ty. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty tiến hành chỉ đạo tất cả các phòng ban, chi nhánh thực hiện những hoạt động cần thiết để đạt được các mục tiêu kinh doanh năm 2024.	100%
4.	2604-1/24/QĐ-HĐTV	26/04/2024	Thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Ninh Phương Thảo giữ	100%



Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			chức vụ Giám Đốc, Phòng Kiểm Soát Nội Bộ của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.	
5.	2604-2/24/QĐ-HĐTV	26/04/2024	Thông qua số lợi nhuận năm 2023 chuyển về Công ty mẹ (Maybank IBG Holdings Limited) là 66.521.686.666 đồng (bằng chữ: sáu mươi sáu tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Ủy quyền cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ.	100%
6.	3105/24/QĐ-HĐTV	31/05/2024	Thông qua việc miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Duyên khỏi chức vụ Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.	100%
7.	0207/24/QĐ-HĐTV	02/07/2024	Thông qua việc tái chỉ định Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán độc lập báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính kết thúc năm 2024 của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.	100%
8.	3010/24/QĐ-HĐTV	30/10/2024	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Hội sở (“MSB”) với các nội dung cơ bản như sau:	100%

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>a. Tổng số tiền vay đồng Việt Nam: 500.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)</p> <p>b. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để thực hiện nghiệp vụ giao dịch ký quỹ và kinh doanh trái phiếu chính phủ</p> <p>c. Thời gian vay: 12 tháng</p> <p>d. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng tiền gửi/chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu của khách hàng được phát hành bởi MSB và/hoặc các ngân hàng khác hợp lệ theo quy định nhận TSBĐ của MSB; trái phiếu tổ chức tín dụng thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank do MSB và/hoặc 04 Ngân hàng TMCP quốc doanh (Vietinbank, Vietcombank, BIDV, Agribank) phát hành nhưng không bao gồm trái phiếu tăng vốn</p> <p>Ủy quyền cho Ông Kim Thiên Quang - Tổng Giám đốc và/hoặc Bà Nguyễn Võ Vân Hà - Giám đốc Tài chính đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank tổ chức, phê duyệt và thực hiện các thủ tục để ký kết các văn bản có liên quan bao gồm Hợp đồng Tín dụng, Khế ước nhận nợ, Cam kết trả nợ, Hợp đồng thế chấp/cầm cố và các giấy tờ có liên quan khác với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam phù hợp với các nội dung đã được Hội đồng thành viên thông qua nêu trên và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	

=
 - ()
 VC
 HIỆN
 iG
 YB
 .P
 =

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9.	2211/24/QĐ-HĐTV	22/11/2024	<p>Thông qua chủ trương phát hành Chứng quyền có bảo đảm của Công ty (“Chứng quyền”), cụ thể:</p> <p>a. Tổng giá trị Chứng quyền đã phát hành và đăng ký phát hành của Công ty, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn, so với giá trị vốn khả dụng của Công ty không được vượt quá các mức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. - 0% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng từ 180% đến 250%; - 5% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 250% đến 300%; - 10% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 300% đến 450%; - 15% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 450% đến 600%; - 20% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 600%. <p>ii. Tỷ lệ vốn khả dụng để xét hạn mức là mức tối thiểu liên tục trong 06 tháng gần nhất trước tháng nộp hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền, căn cứ trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”).</p> <p>b. Phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của</p>	100%

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>Công ty đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. thanh lý tài sản phòng ngừa rủi ro cho Chứng quyền trên các tài khoản giao dịch tự doanh của Công ty để thanh toán cho người sở hữu chứng quyền. ii. xử lý tài sản bảo đảm do Công ty ký gửi tại Ngân hàng lưu ký là tiền mặt hoặc chứng chỉ tiền gửi. Công ty phải duy trì giá trị tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký tương đương ít nhất 50% tổng giá trị Chứng quyền đã phát hành, không bao gồm Chứng quyền đã bị hủy niêm yết, trong thời gian hiệu lực của Chứng quyền. <p>Trong trường hợp không có đủ tài sản để thực hiện nghĩa vụ của Công ty liên quan đến Chứng quyền, người sở hữu chứng quyền sẽ được coi là chủ nợ được bảo đảm một phần của Công ty và việc thanh toán sẽ được thực hiện theo các quy định của Việt Nam có liên quan áp dụng cho các chủ nợ được bảo đảm một phần.</p> <p>Điều chỉnh và thi hành</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trong trường hợp các hạn mức, điều kiện, quy định tại 	

 HUMANISING
FINANCIAL SERVICES
10/11/2011

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>Điều 1 nêu trên được Bộ Tài chính, UBCKNN hoặc cơ quan có thẩm quyền khác hướng dẫn cụ thể, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại các hướng dẫn, quy chế hoặc văn bản pháp luật có liên quan, Hội đồng thành viên tại đây thông qua việc Công ty sẽ áp dụng các quy định mới đó tại từng thời điểm. Theo đó, Hội đồng thành viên sẽ không phải ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế chỉ để áp dụng các quy định mới đó.</p> <p>b. Cho mục đích thực hiện Khoản a Điều này, Hội đồng thành viên giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty quyết định và ký ban hành các văn bản, tài liệu, quyết định, chấp thuận để tuân thủ với các quy định tại các hướng dẫn, quy chế hoặc văn bản pháp luật có liên quan, hoặc đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Tổng Giám Đốc của Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.</p>	

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

2.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tổng thù lao, trợ cấp hợp và công tác phí (đã bao gồm các loại thuế, phí, và lệ phí) cho các thành viên HĐQT trong năm 2024 vào khoảng 1,2 tỷ đồng.

Tổng thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2024 vào khoảng 19,2 tỷ đồng.

2.2. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám Đốc của Công ty bao gồm các thành viên có bề dày kinh nghiệm về kinh tế vĩ mô, quản trị kinh doanh, ngân hàng và tài chính doanh nghiệp với cùng một mục tiêu chung là xây dựng và phát triển Công ty vững mạnh. Các cuộc họp của HĐQT đều được tổ chức theo quy định, trong đó các quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông qua đúng với quy định tại Điều lệ và được công bố thông tin phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Các biên bản họp đều được lưu trữ một cách đầy đủ và cẩn thận. Việc trao đổi thông tin giữa các cấp lãnh đạo cũng như việc truyền tải thông tin đến các phòng ban, bộ phận và cá nhân có liên quan đều được thực hiện một cách thông suốt và đầy đủ.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, trích dẫn như sau: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Tham khảo tại:

<https://www.maybank-kimeng.com.vn/kimengportal/financial-statements.do>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



KIM THIÊN QUANG

Tổng Giám Đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 55

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014, giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 31/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2023, và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305367563 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 05 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và các hoạt động khác đã được cấp phép.

Công ty có trụ sở chính tại VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: VP-09-01, Tầng 9, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: 456 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, Tòa nhà H&T, số 204-204A, đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; và
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 5, Tòa nhà Coalimex, số 33 Phố Tràng Thi, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 VND và tổng tài sản là 5.702.270.772.034 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các thông tư sửa đổi có liên quan quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Lok Eng Hong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Foong Seong Yew	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2023
Ông Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Giám đốc Khối khách hàng cá nhân	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Võ Văn Hà	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2023
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Duyên	Giám đốc Quản lý rủi ro	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

Số tham chiếu: 12736768/67866364

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty"), được lập ngày 17 tháng 2 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 55, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám Đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.601.261.926.302	5.021.888.181.972
110	I. Tài sản tài chính		5.585.335.593.967	5.011.703.920.697
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	239.358.475.714	304.932.326.456
111.1	1.1 Tiền		239.358.475.714	304.932.326.456
112	2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	6.1	793.430.378.082	-
113	3. Các khoản đầu tư giữ đến đáo hạn (HTM)	6.2	-	407.704.767.121
114	4. Các khoản cho vay	6.3	4.516.608.693.093	4.261.438.778.970
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.5	(7.129.754.677)	(7.129.754.677)
117	6. Các khoản phải thu	7	37.436.833.792	38.889.549.619
117.2	6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	7	37.436.833.792	38.889.549.619
117.4	6.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	7	37.436.833.792	38.889.549.619
118	7. Trả trước cho người bán	7	2.197.504.365	2.789.730.275
119	8. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	3.418.298.425	3.071.810.642
122	9. Các khoản phải thu khác	7	15.165.173	6.712.291
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		15.926.332.335	10.184.261.275
131	1. Tạm ứng		20.308.040	73.050.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	15.906.024.295	10.111.211.275
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		101.008.845.732	78.994.065.016
220	I. Tài sản cố định		45.548.809.517	32.583.631.569
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	31.608.374.023	30.180.209.985
222	- Nguyên giá		86.367.176.266	79.428.054.347
223a	- Giá trị hao khấu hao lũy kế		(54.758.802.243)	(49.247.844.362)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	13.940.435.494	2.403.421.584
228	- Nguyên giá		44.186.078.942	30.858.921.409
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.245.643.448)	(28.455.499.825)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	764.562.400	1.492.112.600
250	III. Tài sản dài hạn khác		54.695.473.815	44.918.320.847
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		5.424.864.008	5.165.437.675
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	17.162.239.871	8.674.461.252
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	2.007.954.297	998.165.655
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ	13	30.100.415.639	30.080.256.265
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.702.270.772.034	5.100.882.246.988

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.450.963.459.254	2.004.097.648.692
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		2.450.707.280.058	2.003.769.348.110
311	1. Vay ngắn hạn		2.355.705.740.702	1.935.098.961.745
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	2.355.705.740.702	1.935.098.961.745
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	19.721.127.620	2.425.716
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.915.548.185	4.081.418.461
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.000.000.000	-
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	21.931.974.929	27.197.694.798
323	6. Phải trả người lao động		40.769.286.605	25.961.234.104
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		110.000.000	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	9.327.567.507	11.386.034.135
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		197.250.000	-
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		28.784.510	41.579.151
340	II. Nợ phải trả dài hạn		256.179.196	328.300.582
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20	256.179.196	328.300.582
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.251.307.312.780	3.096.784.598.296
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	3.251.307.312.780	3.096.784.598.296
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		40.646.058.094	40.646.058.094
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		40.646.058.096	40.646.058.096
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		970.015.196.590	815.492.482.106
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		954.122.385.497	811.397.319.895
417.2	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		15.892.811.093	4.095.162.211
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.702.270.772.034	5.100.882.246.988

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD	22.1	5.447,42	809,64
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK	22.2	150.000.000.000	-
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) và chưa giao dịch của CTCK	22.3	601.000.000.000	-
010	4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	22.4	8.000.000.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22.5	11.072.137.290.000	11.342.688.170.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.733.057.230.000	10.852.882.590.000
021.2	- Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		13.870.920.000	20.046.260.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố		229.998.980.000	315.507.340.000
021.4	- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		4.156.170.000	7.384.270.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		91.053.990.000	146.867.710.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22.6	3.560.889.030.000	1.526.353.900.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		3.324.458.960.000	1.309.806.190.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		94.872.050.000	95.498.050.000
022.3	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		65.869.360.000	121.049.660.000
022.4	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		75.688.660.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	22.7	103.534.730.000	134.251.550.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của Nhà đầu tư	22.8	590.209.935.611	842.471.063.437
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		410.839.622.231	524.499.904.061
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		12.074.700.965	147.335.033.636
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		167.295.612.415	170.636.125.740
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		167.291.882.242	170.634.494.894
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		3.730.173	1.630.846
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.9	590.209.935.611	842.471.063.437
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		564.052.888.623	841.057.972.534
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		26.157.046.988	1.413.090.903

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:






Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	23.1	61.671.361.575	34.945.755.690
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		4.490.515.000	11.822.898.380
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		15.499.019.182	-
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		41.681.827.393	23.122.857.310
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23.1	-	12.704.767.121
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.1	472.991.076.046	405.235.989.837
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23.2	216.784.317.711	194.502.027.360
07	5. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23.2	12.372.847.740	-
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23.2	5.020.071.928	5.453.608.696
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23.2	7.554.131.885	2.829.622.360
11	8. Thu nhập hoạt động khác	23.2	9.238.126.093	8.661.443.768
20	Cộng doanh thu hoạt động		785.631.932.978	664.333.214.832
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	23.1	17.049.080.940	17.107.243.048
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	16.839.580.940	17.107.243.048
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.1	209.500.000	-
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	141.438.547.331	84.113.000.290
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	190.340.511.368	162.645.110.469
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		9.013.875.844	7.443.417.014
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		13.635.439.476	11.870.817.428
40	Cộng chi phí hoạt động		371.477.454.959	283.179.588.249
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		24.923.913.525	22.969.654.403
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		5.062.662.244	5.100.697.112
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	29.986.575.769	28.070.351.515



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
51	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH 1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		1.764.280.915	752.493.307
60	Cộng chi phí tài chính		1.764.280.915	752.493.307
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	27	170.162.502.757	132.470.183.258
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		272.214.270.116	276.001.301.533
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		6.340.909	514.090.909
72	2. Chi phí khác		6.966.000	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(625.091)	514.090.909
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		272.213.645.025	276.515.392.442
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		256.320.833.932	272.420.230.231
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		15.892.811.093	4.095.162.211
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	28	51.169.243.875	54.776.436.888
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	52.251.153.903	55.777.324.657
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.2	(1.081.910.028)	(1.000.887.769)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		221.044.401.150	221.738.955.554
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		221.044.401.150	221.738.955.554

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:






Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		272.213.645.025	276.515.392.442
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		67.495.142.283	20.816.029.563
03	- Khấu hao tài sản cố định	8, 9	10.847.551.201	8.425.386.434
04	- Các khoản dự phòng		-	7.129.754.677
05	- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(603.291.911)	(4.095.162.211)
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(46.744.489.637)	(28.223.554.422)
08	- Dự thu tiền lãi		(37.436.833.792)	(38.889.549.619)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		141.432.206.422	76.469.154.704
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		209.500.000	-
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		209.500.000	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(15.499.019.182)	-
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(15.499.019.182)	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		324.419.268.126	297.331.422.005
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		(778.140.858.900)	-
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		407.704.767.121	(407.704.767.121)
33	Tăng các khoản cho vay		(255.169.914.123)	(1.666.307.839.336)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		38.889.549.619	25.579.632.498
37	Tăng các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(346.487.783)	(1.714.296.547)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		1.583.773.028	(2.721.486.979)
40	Giảm các tài sản khác		5.232.768.159	3.339.428.582
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(2.488.440.052)	1.786.308.753
42	Giảm chi phí trả trước		(14.282.591.639)	(6.952.263.254)
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(58.961.762.280)	(50.832.412.518)
44	Lãi vay đã trả		(141.008.573.907)	(76.792.737.506)
45	Giảm phải trả người bán		(2.165.870.276)	(591.723)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		110.000.000	-
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		2.526.798.536	(1.393.611.421)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		14.808.052.501	(1.994.027.810)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		19.831.035.877	(210.569.576)
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(437.458.485.993)	(1.888.587.811.953)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(29.555.426.884)	(24.853.995.033)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		6.340.909	514.090.909
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		46.744.489.637	28.223.554.422
70	Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.195.403.662	3.883.650.298
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
73	Tiền vay gốc		17.768.578.668.255	11.755.189.268.255
73.2	<i>Tiền vay khác</i>		17.768.578.668.255	11.755.189.268.255
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(17.347.367.750.000)	(9.816.008.468.255)
74.3	<i>Tiền chi trả nợ gốc vay khác</i>		(17.347.367.750.000)	(9.816.008.468.255)
76	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(66.521.686.666)	(62.179.785.530)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		354.689.231.589	1.877.001.014.470
90	GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(65.573.850.742)	(7.703.147.185)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	304.932.326.456	312.635.473.641
101.1	Tiền		304.932.326.456	112.635.473.641
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	200.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	239.358.475.714	304.932.326.456
103.1	Tiền		239.358.475.714	304.932.326.456
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		45.544.268.643.211	45.919.309.316.560
07	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(44.089.287.415.311)	(41.842.604.247.614)
08	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		52.269.203.919.934	48.839.294.084.789
11	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(53.971.426.203.732)	(52.715.861.574.949)
20	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(5.020.071.928)	(5.453.608.696)
	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(252.261.127.826)	194.683.970.090
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	22.8	842.471.063.437	647.787.093.347
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		842.471.063.437	647.787.093.347
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		524.499.904.061	513.989.341.047
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		147.335.033.636	77.893.630.333
34	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		170.636.125.740	55.904.121.967
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	22.8	590.209.935.611	842.471.063.437
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		590.209.935.611	842.471.063.437
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		410.839.622.231	524.499.904.061
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		12.074.700.965	147.335.033.636
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		167.295.612.415	170.636.125.740

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

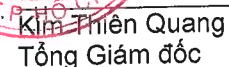
Người phê duyệt:



Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:




Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Ngày 01/01/2023 VND	Ngày 01/01/2024 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2023 VND	Ngày 31/12/2024 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	-	-	-	-	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Vốn pháp định	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn bổ sung	1.950.000.000.000	1.950.000.000.000	-	-	-	-	1.950.000.000.000	1.950.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	40.646.058.094	40.646.058.094	-	-	-	-	40.646.058.094	40.646.058.094
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	40.646.058.096	40.646.058.096	-	-	-	-	40.646.058.096	40.646.058.096
4. Lợi nhuận chưa phân phối	655.933.312.082	815.492.482.106	221.738.955.554	(62.179.785.530)	225.139.563.361	(70.616.848.877)	815.492.482.106	970.015.196.590
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	655.907.134.822	811.397.319.895	217.643.793.343	(62.153.608.270)	209.246.752.268	(66.521.686.666)	811.397.319.895	954.122.385.497
- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	26.177.260	4.095.162.211	4.095.162.211	(26.177.260)	15.892.811.093	(4.095.162.211)	4.095.162.211	15.892.811.093
TỔNG CỘNG	2.937.225.428.272	3.096.784.598.296	221.738.955.554	(62.179.785.530)	225.139.563.361	(70.616.848.877)	3.096.784.598.296	3.251.307.312.780

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014, giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 31/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2023, và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305367563 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 05 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đặt tại VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 221 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 208 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 VND và tổng tài sản là 5.702.270.772.034 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

3.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với trái phiếu chưa niêm yết, giá trị hợp lý được đánh giá lại theo mệnh giá cộng với lãi lũy kế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại. Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.8 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.14 Các khoản vay

Các khoản vay được trình bày theo số dư gốc và giá trị phân bổ của các hợp đồng hoán đổi tiền tệ cho mục đích phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Lợi ích của nhân viên

3.16.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.16.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.16.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm lãi/(lỗ) từ đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính FVTPL, lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính và thu nhập từ cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.19 Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng bao gồm: chi phí hoạt động; chi phí tài chính; chi phí quản lý; và chi phí khác.

3.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định của Chủ sở hữu.

3.22 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.23 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	239.358.475.714	304.932.326.456
- Tiền mặt tại quỹ	39.561.417	30.517.043
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	128.163.726.342	169.731.309.877
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	111.155.187.955	135.170.499.536
	239.358.475.714	304.932.326.456

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Công ty				
- Cổ phiếu	935.874	37.410.269.100	106.867.802	3.236.915.849.450
- Trái phiếu	16.381.190	3.810.062.023.100	29.623.754	2.954.985.561.032
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	4.013.454.484	89.405.704.093.674	4.785.461.796	88.181.658.460.090
- Trái phiếu	11.736	1.757.117.558	200	20.151.100
- Chứng khoán khác	32.074.424	77.776.725.290	-	-
	4.062.857.708	93.332.710.228.722	4.921.953.552	94.373.580.021.672

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi và lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu	19.720.000.000	19.720.000.000	-	-
- TCB	19.720.000.000	19.720.000.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	154.918.500.000	155.952.000.000	-	-
- MSN123009	51.161.500.000	50.952.000.000	-	-
- VPI124001	103.757.000.000	105.000.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	603.502.358.900	617.758.378.082	-	-
- VHM12403	374.149.830.000	384.493.150.685	-	-
- VHM12404	89.529.657.300	91.982.465.753	-	-
- BCM12406	139.822.871.600	141.282.761.644	-	-
	778.140.858.900	793.430.378.082	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu chưa niêm yết có kỳ hạn từ một (1) đến ba (3) năm, lãi suất từ 10,2%/năm đến 12%/năm.

6.2 Các khoản đầu tư giữ đến đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	407.704.767.121	407.704.767.121

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay ký quỹ	4.487.393.794.573	(7.129.754.677)	4.480.264.039.896	4.240.991.943.808	(7.129.754.677)	4.233.862.189.131
Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	29.214.898.520	-	29.214.898.520	20.446.835.162	-	20.446.835.162
	4.516.608.693.093	(7.129.754.677)	4.509.478.938.416	4.261.438.778.970	(7.129.754.677)	4.254.309.024.293

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá			
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)								
1. Cổ phiếu niêm yết								
TCB	19.720.000.000	-	-	19.720.000.000	-	-	-	-
	19.720.000.000	-	-	19.720.000.000	-	-	-	-
2. Trái phiếu niêm yết								
MSN123009	51.161.500.000	-	(209.500.000)	50.952.000.000	-	-	-	-
VPI124001	103.757.000.000	1.243.000.000	-	105.000.000.000	-	-	-	-
	154.918.500.000	1.243.000.000	(209.500.000)	155.952.000.000	-	-	-	-
3. Trái phiếu chưa niêm yết								
VHM12403	374.149.830.000	10.343.320.685	-	384.493.150.685	-	-	-	-
VHM12404	89.529.657.300	2.452.808.453	-	91.982.465.753	-	-	-	-
BCM12406	139.822.871.600	1.459.890.044	-	141.282.761.644	-	-	-	-
	603.502.358.900	14.256.019.182	-	617.758.378.082	-	-	-	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	7.129.754.677	-
Trích lập trong năm	-	7.129.754.677
Số cuối năm	7.129.754.677	7.129.754.677

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	37.436.833.792	38.889.549.619
- Dự thu lãi cho vay kỳ quỹ	37.408.436.860	38.852.181.886
- Dự thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	28.396.932	37.367.733
Trả trước cho người bán	2.197.504.365	2.789.730.275
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.418.298.425	3.071.810.642
- Phải thu phí tư vấn	1.673.760.000	1.100.000.000
- Phải thu phí môi giới	1.040.155.083	1.323.158.117
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	704.383.342	648.652.525
Các khoản phải thu khác	15.165.173	6.712.291
- Các bên liên quan	13.522.173	-
- Các bên khác	1.643.000	6.712.291
	43.067.801.755	44.757.802.827

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	74.619.013.245	3.921.390.700	887.650.402	79.428.054.347
Mua trong năm	10.349.768.960	-	135.802.656	10.485.571.616
Thanh lý, nhượng bán	(3.535.889.697)	-	(10.560.000)	(3.546.449.697)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>81.432.892.508</u>	<u>3.921.390.700</u>	<u>1.012.893.058</u>	<u>86.367.176.266</u>
Khấu hao lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	48.176.755.823	743.257.914	327.830.625	49.247.844.362
Khấu hao trong năm	8.236.789.788	653.565.117	167.052.673	9.057.407.578
Thanh lý, nhượng bán	(3.535.889.697)	-	(10.560.000)	(3.546.449.697)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>52.877.655.914</u>	<u>1.396.823.031</u>	<u>484.323.298</u>	<u>54.758.802.243</u>
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>26.442.257.422</u>	<u>3.178.132.786</u>	<u>559.819.777</u>	<u>30.180.209.985</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>28.555.236.594</u>	<u>2.524.567.669</u>	<u>528.569.760</u>	<u>31.608.374.023</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.947.123.270 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 37.761.251.922 đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học</i> VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	30.858.921.409
Mua mới trong năm	3.388.382.239
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.938.775.294
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>44.186.078.942</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	28.455.499.825
Hao mòn trong năm	1.790.143.623
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>30.245.643.448</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>2.403.421.584</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>13.940.435.494</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 25.044.610.709 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 24.269.851.709 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Chi phí phát triển phần mềm	<u>764.562.400</u>	<u>1.492.112.600</u>
Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:		
	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Số đầu năm	1.492.112.600	4.003.368.190
Tăng trong năm	15.681.473.029	2.371.836.867
Giảm trong năm	(16.409.023.229)	(4.883.092.457)
Số cuối năm	<u>764.562.400</u>	<u>1.492.112.600</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	15.906.024.295	10.111.211.275
- Trả trước tiền thuê văn phòng	5.761.272.204	4.662.753.299
- Chi phí thông tin	5.319.449.076	302.060.000
- Chi phí bảo trì và gia hạn bản quyền phần mềm hệ thống	3.409.076.058	3.000.284.712
- Chi phí vật dụng văn phòng	230.298.010	807.633.944
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.185.928.947	1.338.479.320
Chi phí trả trước dài hạn	17.162.239.871	8.674.461.252
- Bảo trì hệ thống	10.419.980.882	2.210.946.166
- Chi phí cải tạo văn phòng	4.467.618.044	5.166.481.518
- Chi phí vật dụng văn phòng	2.250.198.945	1.297.033.568
- Chi phí trả trước dài hạn khác	24.442.000	-
	33.068.264.166	18.785.672.527

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	712.975.467	998.165.655
- Chi phí lãi vay vượt quá 30% theo Nghị định 132	1.294.978.830	-
	2.007.954.297	998.165.655

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do:

- Khác biệt giữa tỷ lệ trích lập dự phòng cho các khoản cho vay theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về trích lập và xử lý các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại doanh nghiệp.
- Chi phí lãi vay vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong năm cộng chi phí khấu hao phát sinh trong năm của người nộp thuế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết vào ngày 05 tháng 11 năm 2020. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN VÀ QUỸ BÙ TRỪ

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Quỹ bù trừ

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10 tỷ đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành theo từng kỳ.

Chi tiết tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Quỹ hỗ trợ thanh toán		
- Tiền nộp bổ sung	19.875.959.638	19.875.959.638
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền lãi phân bổ	4.040.362	4.040.362
	20.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ bù trừ		
- Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền lãi phân bổ	100.415.639	80.256.265
	10.100.415.639	10.080.256.265
	30.100.415.639	30.080.256.265

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	<u>1.935.098.961.745</u>	<u>17.767.974.528.957</u>	<u>(17.347.367.750.000)</u>	<u>2.355.705.740.702</u>

Đây là khoản vay tín chấp bằng ngoại tệ tại tổ chức nước ngoài với mức lãi suất từ 6,54% - 6,82%/năm nhằm tài trợ cho các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Công ty đã phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái cho toàn bộ số dư của khoản vay này bằng các hợp đồng hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng.

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam	<u>19.721.127.620</u>	<u>2.425.716</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí hoa hồng môi giới	1.915.548.185	657.035.481
- Cho các bên liên quan	1.535.730.211	327.265.748
- Các bên khác	379.817.974	329.769.733
Phải trả phí dịch vụ kiểm toán nội bộ	-	861.003.732
Phải trả phí thông tin	-	695.610.172
Phải trả phí bảo mật hệ thống	-	632.268.014
Phải trả khác	-	1.235.501.062
	<u>1.915.548.185</u>	<u>4.081.418.461</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả trước liên quan đến hoạt động tư vấn	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số phải nộp trong năm VND</i>	<i>Số đã nộp trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.513.565.506	88.188.862.955	(95.343.724.158)	13.358.704.303
- Cửa Công ty	17.297.466.468	52.251.153.903	(58.961.762.280)	10.586.858.091
- Cửa nhà đầu tư tổ chức	3.216.099.038	35.937.709.052	(36.381.961.878)	2.771.846.212
Thuế giá trị gia tăng	192.192.210	1.884.887.719	(1.807.798.920)	269.281.009
Thuế thu nhập cá nhân	5.686.757.423	111.674.329.071	(111.568.130.462)	5.792.956.032
- Cửa nhân viên Công ty	1.493.223.240	37.900.531.224	(37.884.814.227)	1.508.940.237
- Cửa nhà đầu tư cá nhân	4.193.534.183	73.773.797.847	(73.683.316.235)	4.284.015.795
Thuế nhà thầu	805.179.659	13.020.725.403	(11.314.871.477)	2.511.033.585
Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
	27.197.694.798	214.776.805.148	(220.042.525.017)	21.931.974.929

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chi phí hoạt động trích trước	3.733.527.214	3.926.901.607
Chi phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	3.038.141.699	4.569.403.168
Phí dịch vụ chuyên môn	839.808.849	1.366.647.201
Quý Trade & Give - Stay Strong Saigon	646.348.851	895.450.051
Chi phí lưu ký	449.259.363	437.124.001
Lãi vay phải trả	363.367.641	-
Chi phí hoán đổi	257.113.890	190.508.107
	<u>9.327.567.507</u>	<u>11.386.034.135</u>

20. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Khấu hao tài sản cố định	<u>256.179.196</u>	<u>328.300.582</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác biệt giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số đầu năm	2.200.000.000.000	40.646.058.094	40.646.058.096	815.492.482.106	3.096.784.598.296
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	221.044.401.150	221.044.401.150
- Chia lợi nhuận về công ty mẹ (*)	-	-	-	(66.521.686.666)	(66.521.686.666)
Số cuối năm	2.200.000.000.000	40.646.058.094	40.646.058.096	970.015.196.590	3.251.307.312.780

(*) Trong năm, Công ty đã chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ theo Quyết định của Hội đồng thành viên số 2604-2/24/BBH-HĐTV ngày 26 tháng 4 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

22.1 Ngoại tệ các loại của Công ty (nguyên tệ)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	5.447,42	809,64

22.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	150.000.000.000	-

22.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	601.000.000.000	-

22.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	8.000.000.000	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	10.733.057.230.000	10.852.882.590.000
- Cổ phiếu	10.730.429.530.000	10.852.882.590.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	2.627.700.000	-
Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	13.870.920.000	20.046.260.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	229.998.980.000	315.507.340.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	4.156.170.000	7.384.270.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	91.053.990.000	146.867.710.000
	11.072.137.290.000	11.342.688.170.000

22.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.324.458.960.000	1.309.806.190.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	94.872.050.000	95.498.050.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	65.869.360.000	121.049.660.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	75.688.660.000	-
	3.560.889.030.000	1.526.353.900.000

22.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	103.534.730.000	134.251.550.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

22.8 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	410.839.622.231	524.499.904.061
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	384.817.575.243	523.532.272.158
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	26.022.046.988	967.631.903
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	12.074.700.965	147.335.033.636
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	11.942.303.518	146.888.779.766
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	132.397.447	446.253.870
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	167.295.612.415	170.636.125.740
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	167.291.882.242	170.634.494.894
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	3.730.173	1.630.846
	590.209.935.611	842.471.063.437

22.9 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	590.209.935.611	842.471.063.437
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	564.052.888.623	841.057.972.534
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	26.157.046.988	1.413.090.903
	590.209.935.611	842.471.063.437

23. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

23.1 Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính FVTPL

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.490.515.000	11.822.898.380
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(16.839.580.940)	(17.107.243.048)
	(12.349.065.940)	(5.284.344.668)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

23.1.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Lãi bán chứng khoán Năm 2024 VND	Lãi bán chứng khoán Năm 2023 VND
LÃI BÁN				
Cổ phiếu niêm yết	67.937	8.856.979.600	24.515.000	203.719.450
Trái phiếu niêm yết	2.750.000	283.668.000.000	4.466.000.000	11.619.178.930
	2.817.937	292.524.979.600	4.490.515.000	11.822.898.380
Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Lỗ bán chứng khoán Năm 2024 VND	Lỗ bán chứng khoán Năm 2023 VND
LỖ BÁN				
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	115.743.048
Trái phiếu niêm yết	4.680.000	473.545.290.000	8.207.150.000	16.991.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	7.590	762.420.501.630	8.632.430.940	-
	4.687.590	1.235.965.791.630	16.839.580.940	17.107.243.048

23.1.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Loại FVTPL					
Trái phiếu chưa niêm yết	603.502.358.900	617.758.378.082	14.256.019.182	-	14.256.019.182
Trái phiếu đã niêm yết	154.918.500.000	155.952.000.000	1.033.500.000	-	1.033.500.000
Cổ phiếu đã niêm yết	19.720.000.000	19.720.000.000	-	-	-
	778.140.858.900	793.430.378.082	15.289.519.182	-	15.289.519.182

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

23.1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	41.681.827.393	23.122.857.310
- Trái tức	41.110.137.191	19.397.808.000
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	571.690.202	3.725.049.310
Từ các khoản cho vay và phải thu	472.991.076.046	405.235.989.837
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	468.089.846.011	400.669.078.783
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	4.901.230.035	4.566.911.054
	514.672.903.439	428.358.847.147

23.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	216.784.317.711	194.502.027.360
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	7.554.131.885	2.829.622.360
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.020.071.928	5.453.608.696
Doanh thu khác	21.610.973.833	8.661.443.768
- Từ đại lý phát hành chứng khoán	12.372.847.740	-
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	9.238.126.093	8.661.443.768
	250.969.495.357	211.446.702.184

24. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay cho hoạt động ký quỹ	140.707.881.548	76.792.737.506
Phí hợp đồng hoán đổi tiền tệ	730.665.783	190.508.107
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	-	7.129.754.677
	141.438.547.331	84.113.000.290

25. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	87.974.706.938	81.247.098.170
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	42.058.549.791	38.295.501.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.449.228.523	28.273.167.180
Chi phí hoa hồng	19.891.526.272	10.319.621.839
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	4.033.354.549	2.926.131.270
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.855.077.464	917.045.662
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.008.582.217	589.977.649
Chi phí văn phòng phẩm	69.485.614	76.566.717
	190.340.511.368	162.645.110.469

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định	5.062.662.244	5.100.697.112
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.923.913.525	22.969.654.403
	<u>29.986.575.769</u>	<u>28.070.351.515</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi	106.507.871.455	77.975.039.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.370.569.183	38.502.649.566
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	9.425.778.947	7.506.122.629
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8.971.287.504	7.486.317.292
Chi phí công cụ, dụng cụ	631.489.204	576.398.505
Chi phí văn phòng phẩm	78.019.764	119.019.301
Chi phí khác	177.486.700	304.636.828
	<u>170.162.502.757</u>	<u>132.470.183.258</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	52.251.153.903	55.777.324.657
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.081.910.028)	(1.000.887.769)
	<u>51.169.243.875</u>	<u>54.776.436.888</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong năm và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	272.213.645.025	276.515.392.442
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	54.442.729.005	55.303.078.488
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Lãi vay không được khấu trừ vượt quá 30% theo Nghị định 132	1.294.978.830	-
- Chi phí không được khấu trừ	281.488.963	1.233.894.424
- Quyết toán thuế TNDN những năm trước	224.240.416	75.780.735
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập không chịu thuế và chênh lệch tạm thời chịu thuế những năm trước	(3.992.283.311)	(835.428.990)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	52.251.153.903	55.777.324.657

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	-	712.975.467	(285.190.188)	998.165.655
Chi phí lãi vay vượt quá 30% theo Nghị định 132	-	1.294.978.830	1.294.978.830	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Khấu hao tài sản cố định	331.022.696	256.179.196	(72.121.386)	(2.722.114)
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	(331.022.696)	1.751.775.101		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động			1.081.910.028	1.000.887.769

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	17.767.974.528.957	11.261.107.430.000
		Trả gốc vay	17.347.367.750.000	9.326.008.468.255
		Lãi vay đã trả	139.493.680.716	71.834.743.933
		Chi phí lãi vay	139.876.172.930	71.834.743.933
		Chuyển lợi nhuận	66.521.686.666	62.179.785.530
Maybank Securities Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng	19.761.879.770	8.943.656.972
		Phí thông tin	7.078.316.684	6.600.565.710
		Phí bảo trì hệ thống	310.732.858	256.325.184
		Thu phí môi giới	208.585.467	176.218.153
Maybank Securities (Thailand) Public Company Limited	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Thu phí môi giới	428.985.778	2.983.168.682
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Thu lãi tiền gửi	1.875.403	1.622.359.468
		Phí ngân hàng	107.104.371	69.330.745

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Chi phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ Doanh thu dịch vụ hoán đổi tiền tệ	174.770.000 6.737.846.564	- 11.292.200.000
Maybank Research Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	9.238.126.093 1.626.111.000	8.661.443.768 1.988.982.252
Maybank Securities USA Inc.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng	-	1.375.964.867
Malayan Investment Bank Berhad	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí thông tin Phí bảo hiểm CCPI	(525.761.588) 1.533.074.379	- -
MIB Securities (Hong Kong) Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng	129.646.502	-
MIB Finance (Hong Kong) Limited	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí lưu ký Phí quản lý tài sản đảm bảo	- 415.454.545	1.248.879.462 -
Maybank Shared Services Sdn Bhd	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Chi phí bảo mật hệ thống	3.382.180.943	2.317.862.651
Malayan Banking Berhad	Công ty chủ quản cao nhất	Chi phí dịch vụ kiểm toán nội bộ Phí bảo hiểm BCPI	606.097.507 750.704.067	688.350.792 -
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	19.278.551.232	18.716.330.876

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay Lãi vay phải trả	(2.355.705.740.702) (363.367.641)	(1.935.098.961.745) -
Maybank Securities Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả	(1.507.929.659)	(304.083.421)
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí thông tin	-	(695.610.172)
Maybank Shared Services Sdn Bhd	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí bảo mật hệ thống	-	(632.268.014)
Malayan Banking Berhad	Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí dịch vụ kiểm toán nội bộ	-	(861.003.732)
Maybank Securities (London)	Công ty con của Maybank IBG Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả Phải thu khác	(27.800.552) 13.522.173	(23.182.327) -

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	27.738.037.428	23.296.328.650
Từ 1 - 5 năm	38.764.103.889	46.575.664.800
	66.502.141.317	69.871.993.450

29.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, tiền gửi, các khoản vay của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản cho vay và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty có kỳ hạn ngắn và chịu lãi suất cố định.

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Công ty theo dõi trạng thái của các loại ngoại tệ hàng ngày và các chiến lược phòng ngừa rủi ro được áp dụng để đảm bảo trạng thái các loại ngoại tệ được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền gửi ngân hàng	239.318.914.297	-	-	-	-	-	239.318.914.297
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	793.430.378.082	-	-	-	-	-	793.430.378.082
Các khoản cho vay	4.509.478.938.416	-	-	-	-	7.129.754.677	4.516.608.693.093
Tài sản tài chính khác	76.395.577.037	-	-	-	-	-	76.395.577.037
	5.618.623.807.832	-	-	-	-	7.129.754.677	5.625.753.562.509

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	239.358.475.714	-	-	-	239.358.475.714
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	-	-	793.430.378.082	-	-	793.430.378.082
Các khoản cho vay	7.129.754.677	-	4.509.478.938.416	-	-	4.516.608.693.093
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-	37.436.833.792	-	-	37.436.833.792
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	3.418.298.425	-	-	3.418.298.425
Các khoản phải thu khác	-	-	15.165.173	-	-	15.165.173
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	5.424.864.008	-	-	-	5.424.864.008
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ	-	30.100.415.639	-	-	-	30.100.415.639
	7.129.754.677	274.883.755.361	5.343.779.613.888	-	-	5.625.793.123.926
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	2.355.705.740.702	-	-	2.355.705.740.702
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	19.721.127.620	-	-	19.721.127.620
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	1.915.548.185	-	-	1.915.548.185
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	9.327.567.507	-	-	9.327.567.507
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	28.784.510	-	-	28.784.510
	-	1.000.000.000	2.386.698.768.524	-	-	2.387.698.768.524
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	7.129.754.677	273.883.755.361	2.957.080.845.364	-	-	3.238.094.355.402

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 919%.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025